

VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC

Tự nhiên và Xã hội

(Phần tiếp theo)

5



VIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHỔ THÔNG
HÀ NỘI - 1994

VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

5

(Phần tiếp theo)

thuongmaitruongxua.vn

VIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHỔ THÔNG

1994

KHOA HỌC

Bài 33, 34

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

*

* *

Tuần

SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Bài 35

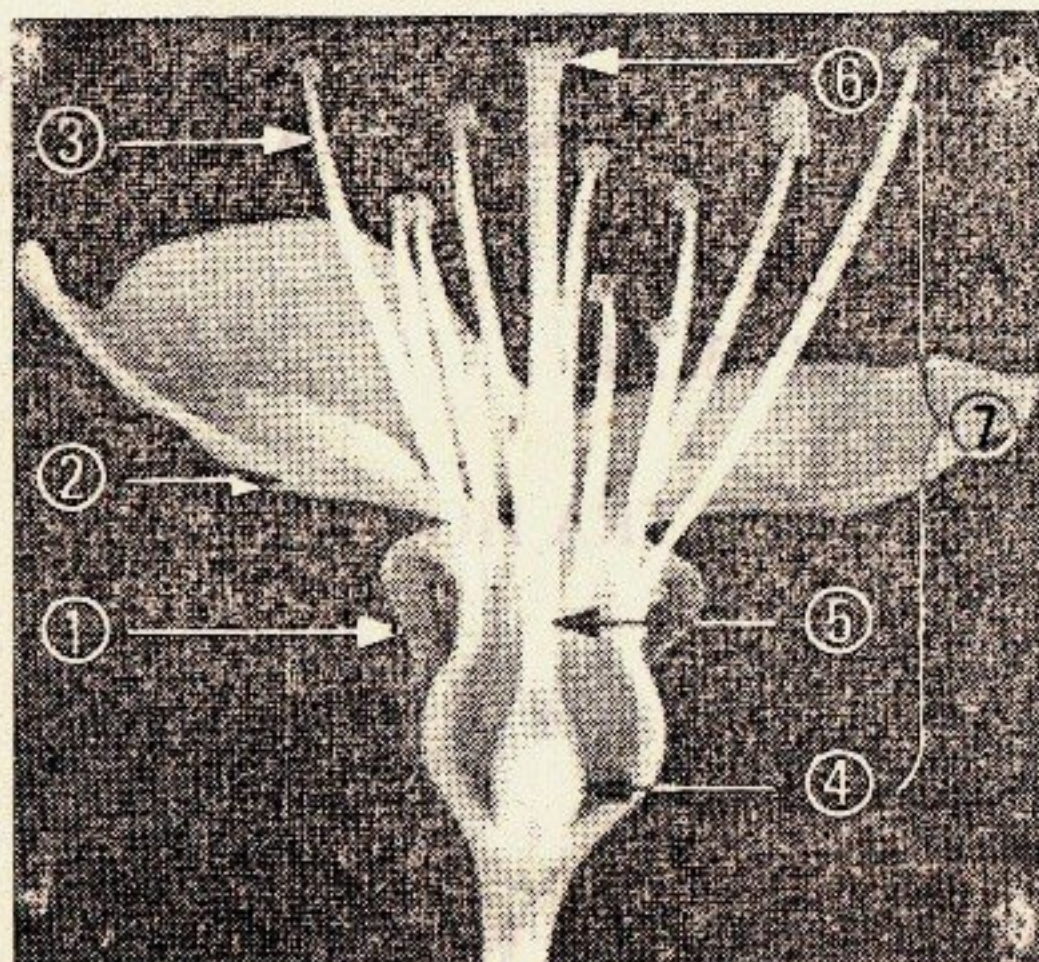
SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT CÓ HOA

Sự sinh sản là đặc tính chung của sinh vật trong đó có thực vật để duy trì và bảo tồn nòi giống

1. Cơ quan sinh sản

Ở những loài thực vật có hoa, cơ quan sinh sản của chúng là hoa.

Ở những cây như cam, bưởi, hồng ... thì trên cùng một hoa có cả cơ quan sinh dục đực gọi là nhị đực (gồm có bao phấn sinh ra hạt phấn và chỉ nhị để đỡ bao phấn) và cơ quan sinh dục cái gọi là nhị cái (gồm có núm, vòi nhụy và bầu noãn chứa tiêu noãn).



Hình 1 : Cấu tạo của một bông hoa

1. Đài hoa
2. Cánh hoa
3. Nhị đực
4. Bầu noãn
5. Vòi nhụy
6. Nuốm
7. (gồm 4, 5, Nhị cái)

Một số cây như mướp, bầu, bí... Có hoa đực (chỉ có nhị đực) và hoa cái (chỉ có nhị cái) riêng biệt

2. Sự thụ phấn

Sự di chuyển của hạt phấn từ bao phấn đến nuốm của nhị cái gọi là sự thụ phấn. Trong tự nhiên, quá trình thụ phấn của thực vật thường được sự giúp đỡ của gió, nước, côn trùng

Sinh sản là đặc tính chung của sinh vật trong đó có thực vật để duy trì và bảo tồn nòi giống. Hoa là cơ quan sinh sản của thực vật. Thường ở trong hoa có cả nhị cái (cơ quan sinh dục cái) và nhị đực (cơ quan sinh dục đực). Ở một số loài, nhị cái và nhị đực lại nằm riêng biệt trên những hoa khác nhau.

Hiện tượng các hạt phấn từ bao phấn của nhị đực di chuyển đến nuốm của nhị cái được gọi là sự thụ phấn. Quá trình này xảy ra nhờ sự giúp đỡ của gió, nước, côn trùng

Câu hỏi và bài tập

1. Cơ quan sinh sản của thực vật có hoa là gì?
Nêu tên các bộ phận thường có ở một bông hoa
2. Cơ quan sinh sản (hoa) của cây bưởi và cây mướp khác nhau ở điểm nào ?
3. Sự thụ phấn ở thực vật là gì ? Trong tự nhiên những yếu tố nào thường giúp cho sự thụ phấn của thực vật có hoa ?

Bài 36

SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT CÓ HOA (Tiếp theo)

3. Sự thụ tinh

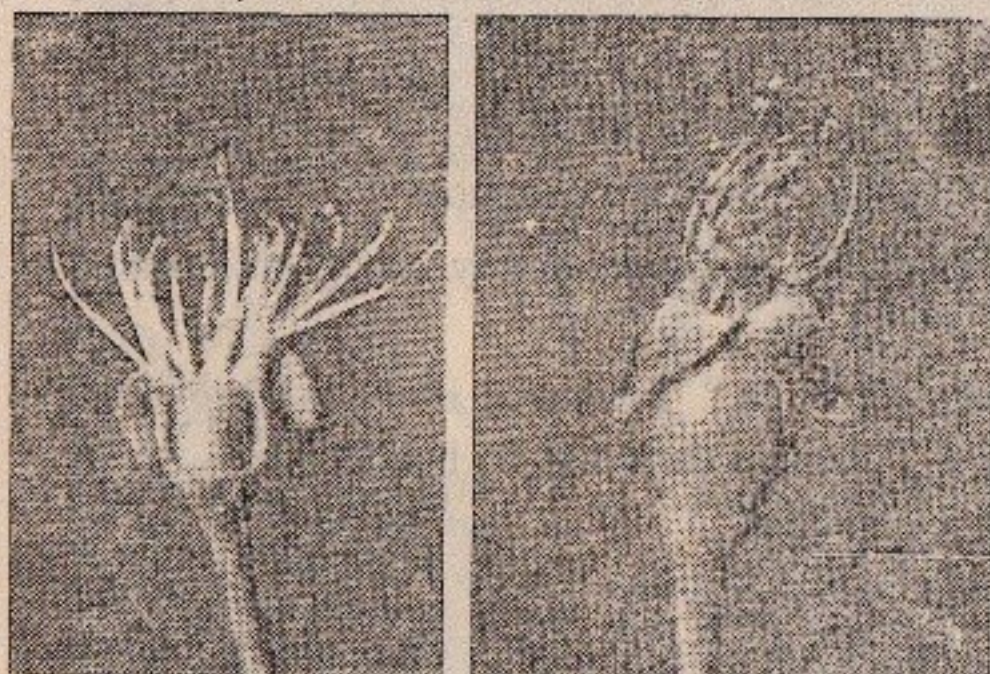
Sau khi thụ phấn, hạt phấn hút chất nhầy ở nuốm từ đó mọc ra ống phấn đâm xuống vòi nhụy đến tiểu noãn. Tinh trùng (tế bào sinh dục đực) ở đầu ống phấn kết hợp với trứng (tế bào sinh dục cái) ở tiểu noãn để tạo thành hợp tử.

4. Sự kết hạt

Hợp tử được tạo thành sẽ tiếp tục phân chia và phát triển thành hạt

Cấu tạo của một hạt thường có ba phần:

- Vỏ (làm nhiệm vụ che chở)
- Phần dự trữ chất dinh dưỡng
- Mầm (sẽ phát triển thành cây)

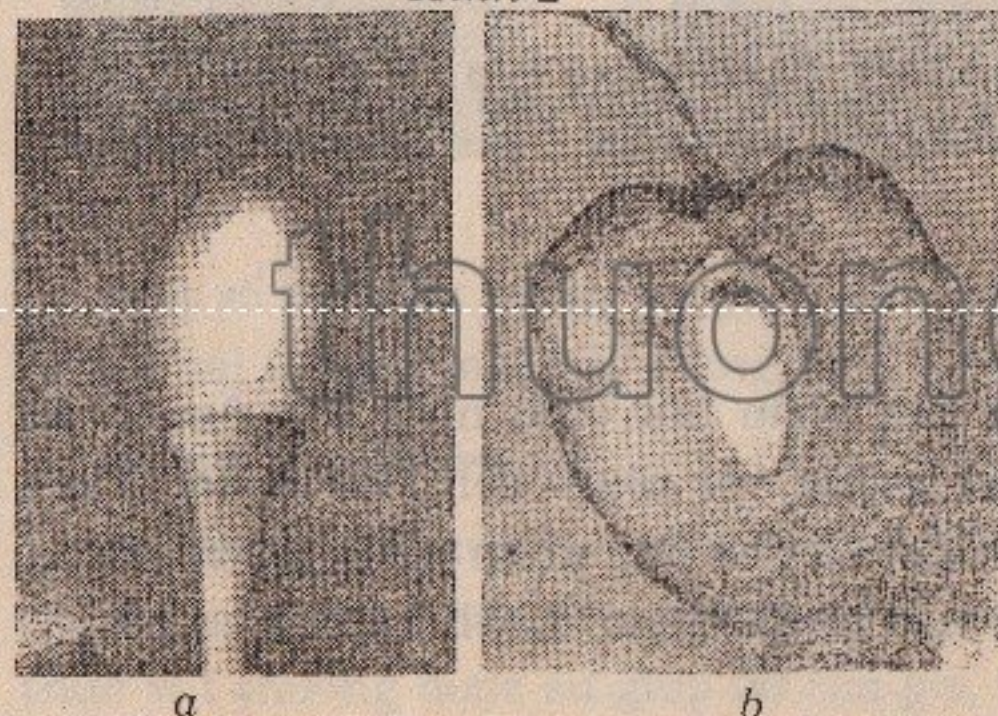


Hình 2

5. Sự tạo quả

Khi hạt phát triển thì hoa tàn (hình 2a, b) để lại hạt nằm trong bầu noãn. Bầu noãn phát triển dần thành quả.

Quả giữ cho hạt không bị hỏng (hình 3 a, b)



Hình 3

Sau khi thụ phấn, ống phấn sẽ mọc ra từ hạt phấn đâm qua vòi nhụy đến tiểu noãn. Ở đó tinh trùng kết hợp với trứng để tạo thành hợp tử (quá trình thụ tinh). Hợp tử tiếp tục phân chia và phát triển thành hạt ở tiểu noãn. Sau này khi có điều kiện hạt sẽ nảy mầm mọc thành cây con. Bầu noãn cũng phát triển thành quả để bảo vệ hạt

Câu hỏi và bài tập

1. Sự thụ tinh ở thực vật có hoa xảy ra khi nào? Ở đâu?

2. Kể tên các bộ phận của hạt. Phần nào của hạt sẽ phát triển thành cây con?

3. Bộ phận nào của nhị cái sẽ tạo thành quả? Đối với thực vật, quả có nhiệm vụ gì?

Bài 37 THỰC HÀNH

TRỒNG CÂY BẰNG HẠT (CÂY ĐẬU)

Gieo hạt đậu (hoặc hạt ngô, mướp...) vào chỗ đất ẩm ướt. Quan sát và theo dõi thường xuyên ta nhận thấy:

- Hạt phình lên vì hút nước

Vỏ của hạt nứt để rễ mầm nhú ra cắm xuống đất (hình 4)

- Chum quanh rễ mầm mọc ra nhiều rễ con (hình 5)



Hình 4

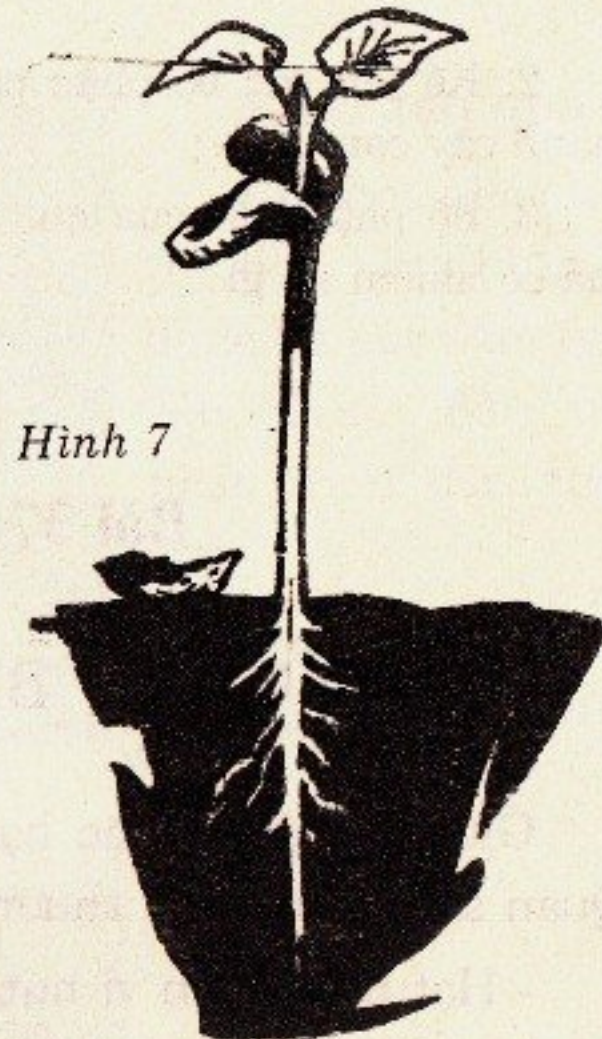


Hình 5

Sau vài ngày rễ mầm mọc dài hơn nữa. Thân mầm lớn dài ra và chui lên khỏi mặt đất mang theo hạt (hình 6)



Hình 6



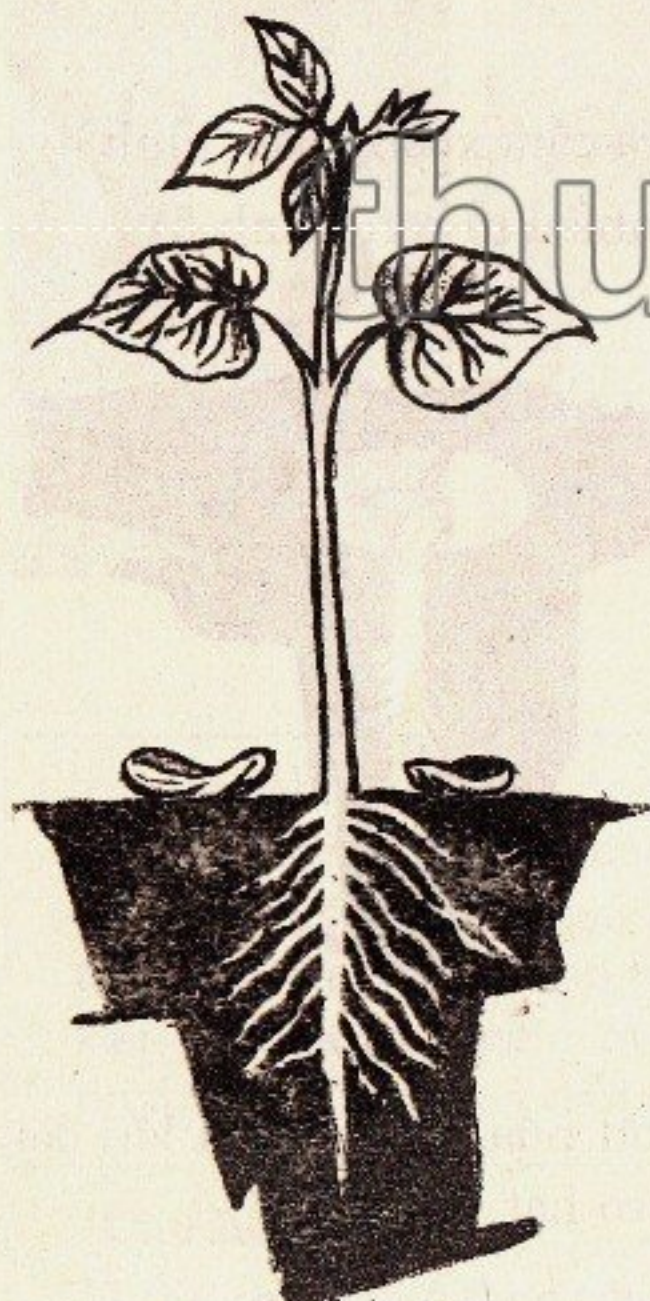
Hình 7

- Hai mảnh hạt xòe ra, hai lá của cây nở ra, lớn dần. Thân cây dài thêm ra (hình 7)

- Dần dần hai mầm hạt nhỏ đi, teo dần rồi rụng xuống

Cây bắt đầu đâm chồi, rễ mọc nhiều thêm (hình 8)

Hạt nảy mầm khi có đủ độ ẩm và nhiệt độ thích hợp. Hạt phình lên vỏ nứt, rễ mầm nhú ra cắm xuống đất, thân mầm dài ra, nhô lên khỏi mặt đất và lớn dần thành cây con.



Hình 8

Bài tập

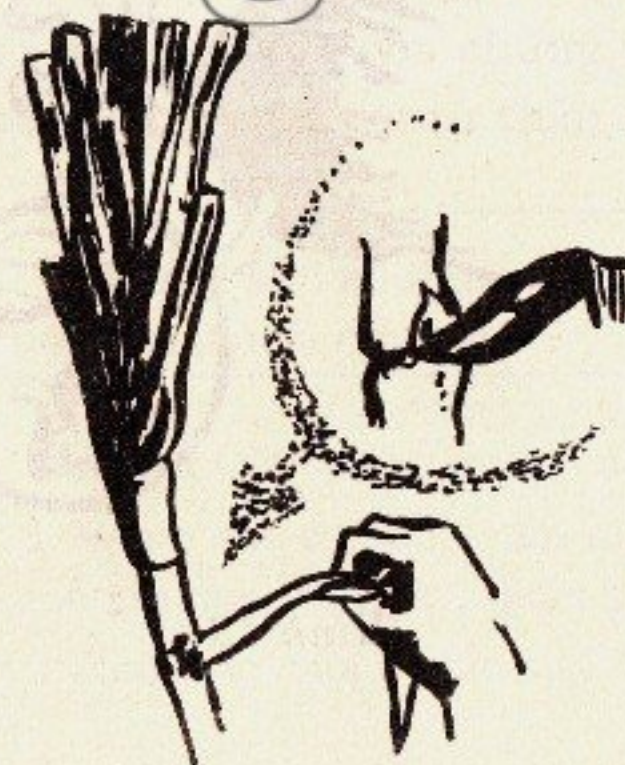
Gieo vài hạt đậu hoặc ngô hay mướp... Theo dõi từ lúc hạt nảy mầm cho đến khi mọc thành cây con. Nếu có điều kiện thì tiếp tục chăm sóc cho tới khi cây lớn và ra hoa kết quả.

Bài 38 THỰC HÀNH

TRỒNG CÂY BẰNG THÂN, CÀNH

Trong tự nhiên cũng như trong trồng trọt, không phải cây nào cũng mọc lên từ hạt. Ví dụ :

1. Cây mía được trồng bằng ngọn và mọc thành khóm. Lật vài bẹ lá ở ngọn mía ra, ta thấy có nhiều mắt. Ở mỗi mắt mía có một cái chồi (hình 9). Ngọn mía được đặt nằm dài trong những



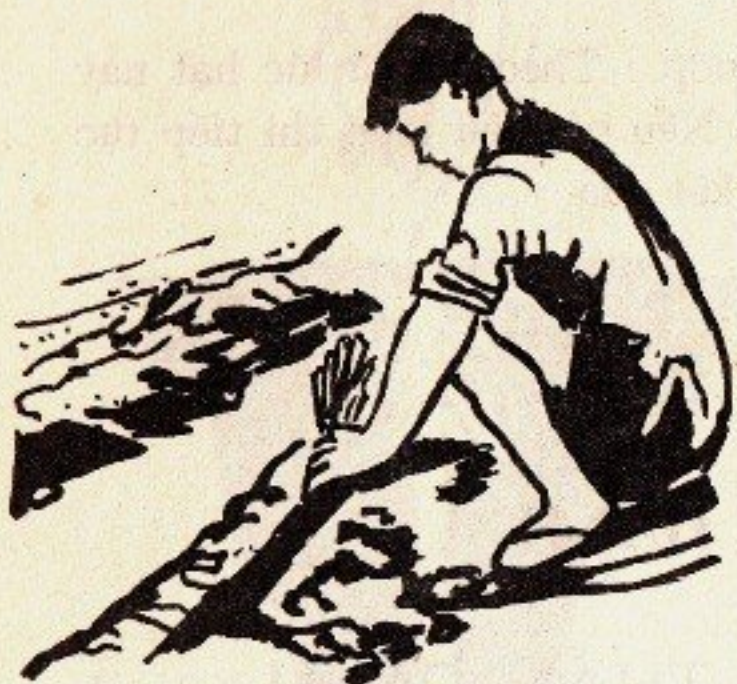
Hình 9

rãnh sâu cuốc sẵn trên luống. Người ta dùng tro trấu để lấp ngọn lại (hình 10)

Những chồi ở mắt mía nảy mầm và đâm lên khỏi mặt đất thành những cây mía (hình 11)

2. Khoai tây được trồng bằng củ :

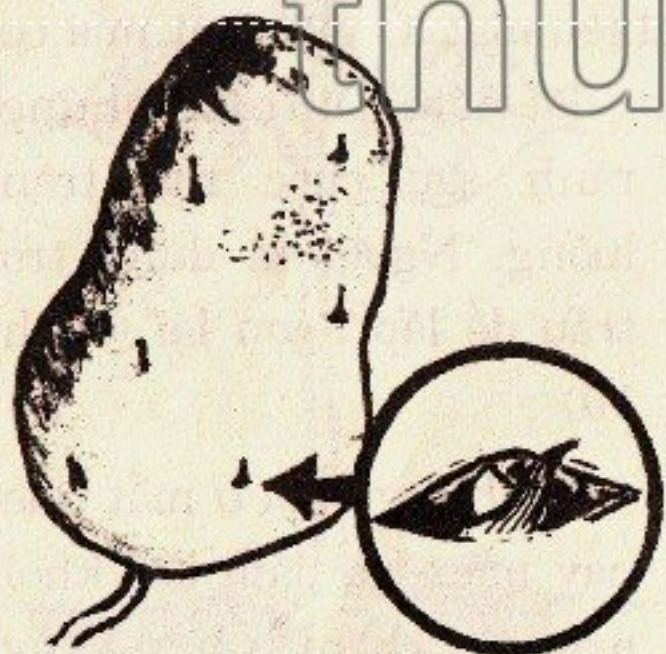
Trên củ khoai tây ta thấy có nhiều chỗ lõm vào. Trong mỗi chỗ lõm đó có một cái



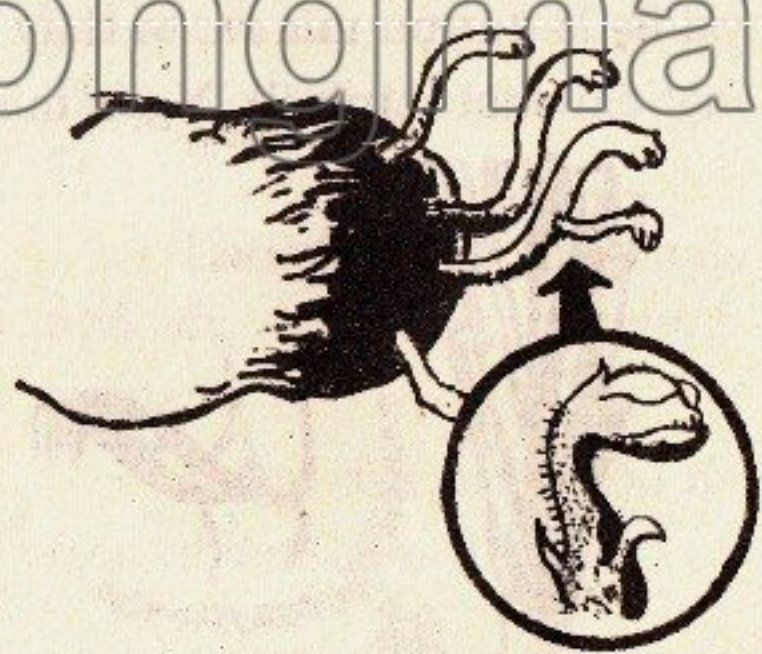
Hình 10



Hình 11



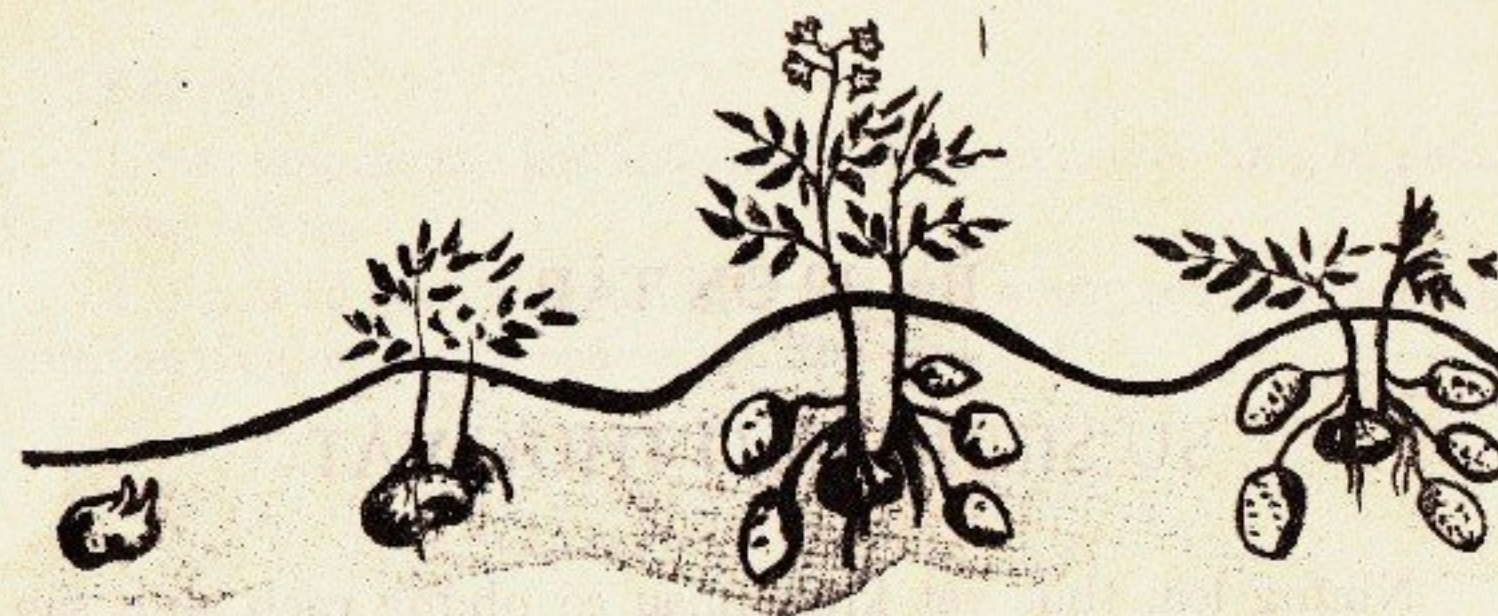
Hình 12



Hình 13

chồi (hình 12).

Khoai tây giống được để vào chỗ ẩm, mát cho dễ nảy mầm. Các chồi sẽ mọc dài ra thành mầm cây (hình 13)



Hình 14

Đặt củ khoai đã nảy mầm vào luống đất xới có bón phân rồi lấp đất lại. Sau đó mầm sẽ dài ra và mọc lên khỏi mặt đất. Khoảng hai hoặc ba tháng thì cây có củ (hình 14).

Củ khoai tây chính là những cành mọc dưới đất phình to ra và chứa nhiều tinh bột.

Ngoài ra còn nhiều cây khác như sắn, khoai lang, cam, chanh, bưởi ... được trồng bằng cách giâm cành hoặc chiết cành. Ở một số cây như cây lá bỏng, cây hoa đá, cây con lại được mọc ra từ lá của chúng, còn đối với cây gừng, riềng ... thì cây con được mọc ra từ thân rễ.

Ở một số loài thực vật từ thân, cành, lá, rễ của chúng có thể mọc thành cây mới

Bài tập (làm một trong các bài dưới đây)

1. Quan sát các chồi của một củ khoai tây (hoặc khoai lang), để vào chỗ ẩm qua vài ngày, quan sát các chồi nảy mầm.
2. Xem các chồi ở mắt mía. Giâm một ngọn mía, quan sát chỗ nảy mầm
3. Cắt vài ngọn dây khoai lang (hoặc vài hom sắn). Đặt dây khoai lang xuống đất sâu độ hai gang tay, cho ngọn lên khỏi mặt đất và lấp đất lại. Độ mười ngày sau nhổ lên xem các rễ mọc ra.

Bài 39 ÔN TẬP

SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT

Những loài thực vật khác nhau có những cách sinh sản khác nhau. Riêng đối với loài thực vật có hoa thì có hai hình thức sinh sản chủ yếu sau:

1. Sự sinh sản có sự kết hợp của tinh trùng (tế bào sinh dục đực) và trứng (tế bào sinh dục cái) để tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành hạt. Khi có điều kiện thuận lợi hạt sẽ nảy mầm thành cây con. Sự sinh sản này được thực hiện ở cơ quan sinh sản là hoa.

Thông thường trên một hoa có cả nhị đực và nhị cái cũng có những hoa chỉ có nhị đực hoặc chỉ có nhị cái.

2. Ở một số cây, từ một phần cơ thể của chúng như thân, cành, rễ hoặc lá, khi gặp điều kiện thuận lợi có thể nảy mầm và phát triển thành cây mới.

Trong trồng trọt, đối với các cây như sắn, mía, khoai lang, dâu tằm ... người ta có thể cắt một cành của cây mẹ, rồi cắm xuống đất để cho cành đó bén rễ thành cây mới.

Đối với cây ăn quả như cam, chanh, bưởi, quýt ... người ta bóc một khoanh vỏ rồi uốn cong cành đó vùi xuống đất hoặc dùng đất bó xung quanh cành để cho rễ đâm ra làm như vậy được gọi là chiết cành (chiết cây). Khi rễ đã phát triển nhiều người ta cưa cành đó đem trồng thì nó phát triển thành cây mới.

Bài tập

1. Sưu tầm các loại hoa khác nhau; chỉ ra và gọi tên từng bộ phận của bông hoa đó.

2. Ngoài cơ quan sinh sản là hoa, ở một số cây còn có khả năng sinh sản bằng những bộ phận nào? Nêu ví dụ.

Bài 40

SỰ SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT

Giống như thực vật, động vật cũng sinh sản để giữ được nòi giống.

Các loài động vật khác nhau, có cách sinh sản khác nhau. Có những động vật đẻ trứng rồi trứng nở thành con như cá, ếch, nhái, rắn, thằn lằn, chim ... có những động vật đẻ con như chuột, thỏ, chó, mèo ... Trong số những động vật đẻ con lại có những động vật đẻ nhiều con một lứa, có động vật chỉ đẻ một con một lứa

Đa số các loài động vật, kể cả người chia thành hai giống: đực và cái. Ở con đực có cơ quan sinh dục đực (sinh ra tinh trùng). Ở con cái có cơ quan sinh dục cái (sinh ra trứng). Trứng thường chứa nhiều chất dự trữ để nuôi dưỡng bào thai, bởi vậy trứng thường lớn hơn tinh trùng rất nhiều.

Hiện tượng tinh trùng kết hợp với trứng để tạo thành hợp tử gọi là sự thụ tinh. Hợp tử phân chia nhiều lần và phát triển thành cơ thể mới mang những đặc tính của cả bố và mẹ chúng.

Giống như thực vật, động vật cũng sinh sản để duy trì nòi giống.

Những loài động vật khác nhau có những cách sinh sản khác nhau có những động vật đẻ ra trứng và có những động vật đẻ ra con. Đa số các loài động vật thường có con đực và con cái phân biệt. Cơ quan sinh dục đực sản xuất ra tinh trùng. Cơ quan sinh dục cái sản xuất ra trứng. Trứng kết hợp với tinh trùng trong quá trình thụ tinh tạo ra hợp tử. Hợp tử phát triển thành cơ thể mới mang những đặc tính của cả bố và mẹ.

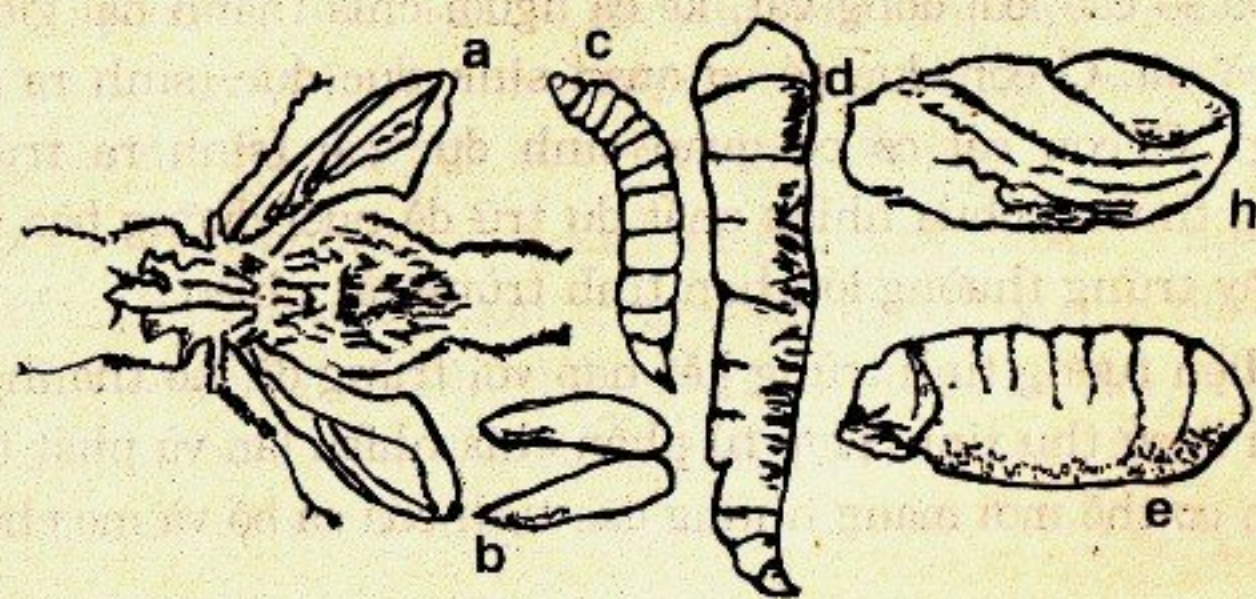
Câu hỏi và bài tập.

1. Kể tên một số loài vật có con đực và con cái phân biệt
2. Sự thụ tinh là gì ? Nêu kết quả của quá trình thụ tinh.

Bài 41

SỰ SINH SẢN CỦA RUỒI

Nhìn kỹ một con ruồi có bụng căng mọng, bay lượn, di chuyển nặng nề ta biết đó là ruồi cái đang chứa.



Hình 15: a. Ruồi - b. Trứng - c. Dòi - d. Dòi lớn - e. Kén - h. Nhộng

Ruồi thường tìm nơi bẩn thỉu hay nơi có xác chết động vật chết để đẻ trứng.

Trứng ruồi nở thành dòi. Nếu quan sát những nơi nói trên ta có thể thấy hàng nghìn hàng vạn con dòi trắng quện vào nhau nhung nhúc.

Dòi nở thành nhộng. Nhộng nở thành ruồi.

Vòng đời của ruồi chỉ khoảng 20-30 ngày. Ruồi được 13 ngày đã trưởng thành và sinh sản. Nó đẻ liên tiếp khoảng 6-7 lần cho đến khi chết, mỗi lần khoảng 100 trứng. Người ta ước tính sau một vụ hè từ một đôi vợ chồng ruồi có tới 1 triệu ruồi con, cháu, chắt, chít chít.

Ruồi sinh sản và trứng phát triển tốt vào mùa hè. Nhưng vào mùa đông, nhộng ruồi có thể nằm im trong kén, chờ tới mùa hè năm sau mới nở.

Ruồi là loài côn trùng nguy hiểm, gieo rắc nhiều mầm bệnh, nhất là bệnh tả, cần phải giữ vệ sinh nơi ở, nơi chăn nuôi... để trứng ruồi không có điều kiện nở và dòi không phát triển được. Ngoài ra còn phải áp dụng những biện pháp diệt ruồi khác.

Ruồi đẻ ra trứng. Trứng nở thành dòi. Dòi nở thành nhộng. Nhộng nở thành ruồi.

Ruồi gieo rắc nhiều mầm bệnh nguy hiểm cần phải diệt trừ bằng nhiều cách, đặc biệt là phải giữ gìn vệ sinh nhà ở, chuồng trại chăn nuôi...

Câu hỏi và bài tập

1. Chỉ vào hình 15 và nói về vòng đời của một con ruồi
2. Tại sao ta phải tích cực diệt ruồi và giữ vệ sinh nơi ở ?

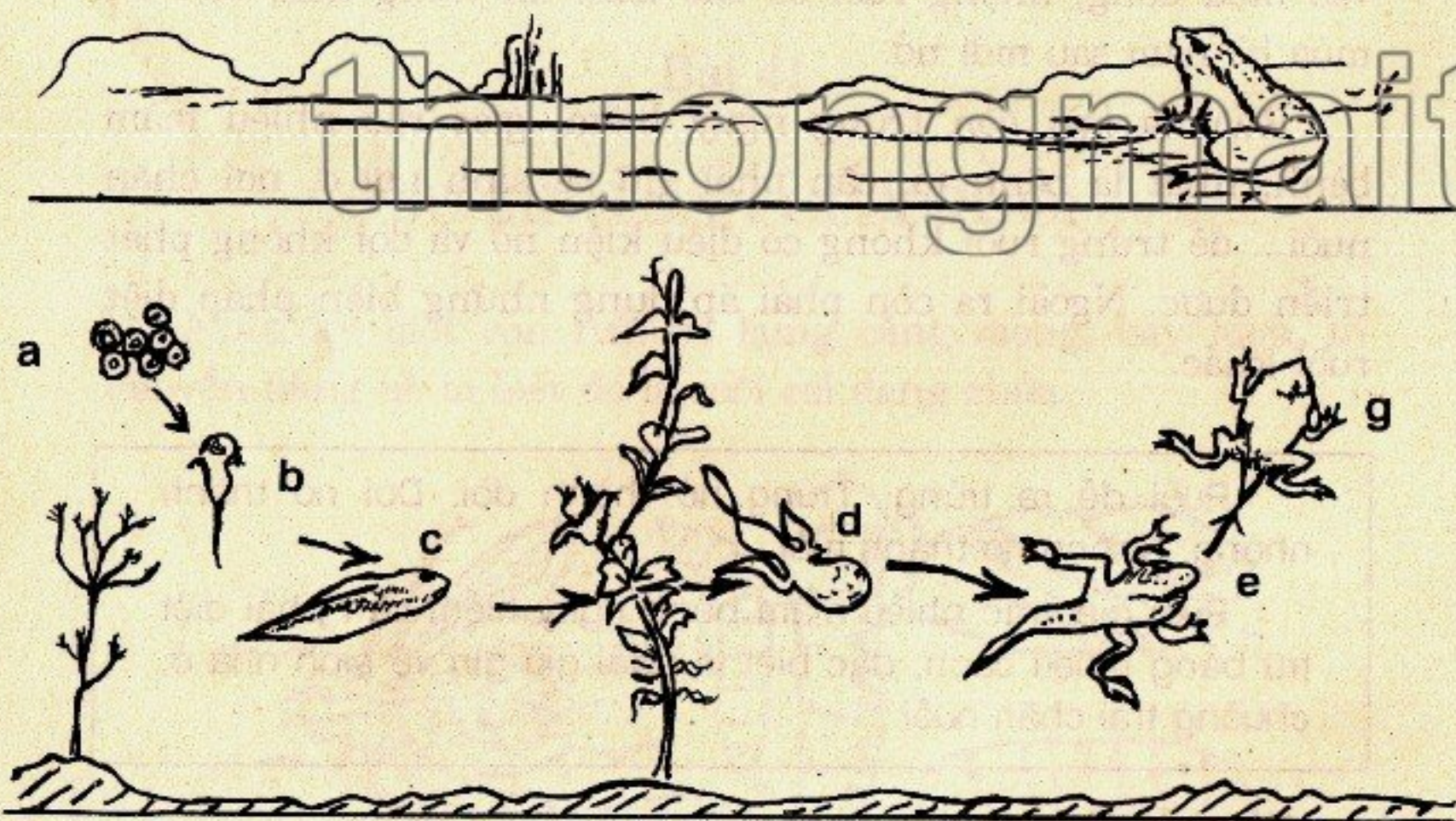
Bài 42

SỰ SINH SẢN CỦA ẾCH

1. Ếch đẻ trứng dưới nước

Sau vài cơn mưa lớn, ao hồ đầy nước. Nếu nhìn kĩ dọc bờ ao, hồ ta thường thấy vài ba đám trứng nhỏ tròn tròn, hơi trong, dính lại thành chùm, nổi lên bèo trên mặt nước. Đó là trứng ếch (hình 16a)

2. Trứng ếch nở ra nòng nọc



Hình 16

a. Trứng ếch - b, c, d Nòng nọc - e. Nòng nọc đang mọc chân
g, h. Nòng nọc biến thành ếch và nhảy lên bờ

Nòng nọc chính là ếch con do trứng ếch nở ra nhưng hình dáng khác hẳn ếch. Nó có đầu tròn, đuôi dài và dẹp, sống ở dưới nước. Nòng nọc lớn dần (hình 16b, c, d)

3. Nòng nọc phát triển thành ếch

Nòng nọc đã lớn, chân nó bắt đầu mọc và ngày một dài ra, đồng thời đuôi ngắn dần lại cho tới khi nó thành con ếch và nhảy lên bờ (hình 16e, g, h)

Ếch trưởng thành, vào đầu mùa mưa hàng năm lại xuống ao hồ đẻ trứng.

Ếch đẻ trứng dưới nước. Trứng ếch nở thành nòng nọc. Nòng nọc phát triển thành ếch. Vào đầu mùa mưa ếch trưởng thành lại xuống ao để đẻ trứng

Câu hỏi và bài tập

1. Ta có thể nhìn thấy trứng ếch ở đâu? Nó có đặc điểm gì?
2. Nhìn vào hình 16 và tả hình dáng con nòng nọc
3. Khi nào nòng nọc trở thành ếch? Ếch trưởng thành sống ở đâu? Nó đẻ trứng ở đâu?

Bài 43

SỰ SINH SẢN VÀ CHĂM SÓC CON NON CỦA CHIM

Trong tự nhiên, chim sống theo đàn hoặc từng đôi. Chúng thường tha cỏ, rế cây ... để làm tổ.

Chim mái đẻ trứng trong tổ và ấp trứng để giữ cho trứng

thành từng đàn? Thú cái thường đẻ con ở đâu?

2. Thú non (hươu, nai, hoẵng) mới sinh đã có những khả năng gì?

3. Những thú mẹ bảo vệ và dạy con chúng như thế nào?

Bài 45

SỰ SINH SẢN VÀ NUÔI CON CỦA HỔ

Hổ là loài thú ăn thịt, sống đơn độc, chỉ sống đôi vào mùa sinh sản, đó là mùa xuân hoặc hè.

Hổ cái mang thai khoảng ba tháng rưỡi, mỗi lứa đẻ từ 2 đến 4 con.

Những hổ con mới đẻ trông xinh xắn, chỉ bằng nửa con mèo và rất non yếu, dễ làm mồi cho thú rừng khác. Bởi vậy hổ mẹ phải tìm nơi kín đáo để đẻ và sau đó phải ấp ủ bảo vệ đàn con trong suốt một tuần đầu. Trừ khi đói quá hổ mẹ phải đi kiếm mồi.

Hổ con bú sữa mẹ và lớn rất nhanh. Sau khi hổ con được hai tháng, hổ mẹ đã dạy hổ con cách săn mồi. Khi cách con mồi chừng 30 mét, theo dấu hiệu của hổ mẹ, hổ con nằm phục cả xuống và quan sát cách hổ mẹ bắt mồi. Những lần sau, có khi hổ con phối hợp bắt mồi cùng hổ mẹ. Đôi khi hổ con bắt mồi lấy với sự giúp đỡ của hổ mẹ.

Hổ con ở với hổ mẹ chừng một năm rưỡi đến hai năm thì có thể sống độc lập vào năm thứ 3 hoặc thứ 4 là hổ đã trưởng thành và có thể sinh sản được. Hổ có thể sống lâu tới 35 năm.

Hổ là loài sống đơn độc, chỉ sống đôi vào mùa sinh sản. Mỗi lứa đẻ từ 2 đến 4 con. Hổ con mới đẻ bé bỏng và yếu ớt. Hổ mẹ phải chăm sóc, bảo vệ đàn con cẩn thận trong suốt tuần đầu. Sau hai tháng, hổ mẹ đã bắt đầu dạy hổ con cách săn mồi. Từ một năm rưỡi đến hai năm là hổ con có thể sống độc lập.

Câu hỏi và bài tập

1. Hổ thường sinh sản vào mùa nào?
2. Tại sao trong suốt tuần đầu sau khi sinh hổ mẹ không dám rời hổ con?
3. Từ tháng thứ mấy hổ con đã được hổ mẹ dạy cách săn mồi? Khi nào hổ con có thể đi kiếm ăn lấy?

Bài 46

SỰ SINH SẢN VÀ CHĂM SÓC CON NON CỦA KHỈ

Khỉ sống theo đàn. Khỉ cái có thai khoảng 9 tháng mỗi lần đẻ 1 con. sau khi ra đời khỉ con biết bú sữa ngay và bú suốt ngày đêm liên tục trong nửa tháng không rời mẹ. Sau nửa tháng khỉ con có thể rời mẹ, chúng rất hiếu động, biết leo trèo, nhảy nhót, đùa nghịch. Khi cảm thấy có điều gì sợ sệt, nó vội chạy đến bám chặt lấy khỉ mẹ, hoặc khỉ mẹ chủ động bế khỉ con vào lòng. Vào khoảng 6 tuần, khỉ con đã ăn được thức ăn đặc, cứng. Khỉ mẹ lại càng chăm sóc khỉ con nhiều hơn. Khỉ có đôi bàn tay khéo léo, cầm nắm được như tay người nên thường dùng để bắt chấy rận cho con. Sau 5, 6 tháng khỉ con bắt đầu

cai sữa. Sau đấy tự tìm lấy quả non để ăn. Được một năm, khi con rời hẳn khi mẹ, đi ăn độc lập theo bầy. Khi có thể sống 29 năm.

Trong khi nuôi con, nếu không may khi con chết, nó cũng không chịu rời con. Phải giăng co vắt vả mới gỡ nổi cái xác ấy ra khỏi tay khi mẹ. Khi mẹ bỏ ăn, buồn bã mấy ngày liền.

Khi sống theo đàn, khi cái mỗi lần đẻ một con. Khi mẹ nuôi và chăm sóc con rất chu đáo sau 5, 6 tháng khi con bắt đầu cai sữa và biết tìm lấy hoa quả để ăn. Sau một năm khi con có thể hoàn toàn sống tự lập.

Câu hỏi và bài tập

1. Khi con mới ra đời, việc đầu tiên của chúng là làm gì?
2. Khi nào khi con biết leo trèo? Khi nào được cai sữa? Khi nào nó có thể sống tự lập?
3. Khi mẹ nuôi nấng chăm sóc khi con như thế nào?

Bài 47 ÔN TẬP

SỰ SINH SẢN CỦA ĐỘNG VẬT

1. Sinh sản là đặc tính chung của động vật để bảo tồn và duy trì nòi giống.

2. Đa số các loài động vật có con đực và con cái phân biệt. Trong quá trình sinh sản tinh trùng của con đực kết hợp với trứng của con cái (sự thụ tinh) tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành con, mang những đặc tính của cả bố và mẹ.

3. Các loài động vật khác nhau, có cách sinh sản và nuôi con khác nhau. Có thể chia thành hai nhóm: Nhóm đẻ trứng và nhóm đẻ con.

4. Đa số các động vật đẻ trứng thường không biết ấp trứng và nuôi con, cũng có một số loài (như chim) biết ấp trứng và nuôi con.

5. Hầu hết các loài thú (động vật có vú) đẻ con và nuôi con bằng sữa ở giai đoạn sơ sinh. Chúng biết nuôi và dạy con cách kiếm ăn và cách nhận biết, lẩn trốn kẻ thù.

Bài 48, 49 ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ

SỰ SINH SẢN VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CƠ THỂ NGƯỜI

Bài 50

SỰ SINH SẢN Ở NGƯỜI

Cũng như những sinh vật khác, loài người có đặc tính sinh sản để duy trì và bảo tồn nòi giống.

Loài người phân biệt thành hai giới: nam và nữ. Ngoài

những đặc điểm chung, giữa nam và nữ có sự khác biệt về mặt sinh học chủ yếu ở cấu tạo và chức phận của cơ quan sinh sản.

Đến tuổi trưởng thành, các cơ quan sinh sản nam và nữ mới phát triển và mới tạo ra được tinh trùng hoặc trứng.

Trong quá trình thụ tinh, trứng của người mẹ kết hợp với tinh trùng của người bố tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi rồi thành bào thai. Chín tháng nằm trong bụng mẹ, bào thai luôn được sưởi ấm bởi nhiệt độ của người mẹ (37°C) và mọi sự sống hoàn toàn dựa vào người mẹ. Đứa trẻ được sinh ra mang những đặc điểm của cả bố và của mẹ.

Khác với loài vật, loài người sống thành xã hội và đạt tới trình độ văn minh cao, nên con người có khả năng làm chủ được sự sinh sản của mình. Trẻ con sinh ra được bố mẹ, gia đình và xã hội nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ cho tới khi trưởng thành.

Cũng như mọi sinh vật, loài người có đặc tính sinh sản để duy trì và bảo tồn nòi giống.

Con được sinh ra mang những đặc điểm của cả bố và của mẹ. Khác với loài vật, con người có khả năng làm chủ được sự sinh sản của mình. Trẻ con sinh ra được bố mẹ, gia đình và xã hội nuôi nấng dạy dỗ cho đến khi trưởng thành

Câu hỏi và bài tập

1. Cũng như những sinh vật khác, loài người có đặc tính gì
2. Sự sinh sản của loài người khác với loài vật ở điểm nào?

Bài 51

VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ THỂ TRẺ MỚI SINH

1. Hệ hô hấp và tuần hoàn bắt đầu hoạt động độc lập

Khi còn trong bụng mẹ, trẻ sống nhờ vào sự nuôi dưỡng của mẹ. Ngay sau khi đứa trẻ tách khỏi sự liên hệ với cơ thể người mẹ, nó cất tiếng khóc chào đời. Quá trình đó giúp tăng cường cử động hô hấp, làm các phế nang nở rộng để không khí tràn vào và khí các-bô-níc thoát ra ngoài. Đồng thời với hô hấp, hệ tuần hoàn cũng bắt đầu hoạt động độc lập. Nếu đứa trẻ không khóc được chứng tỏ nó đã bị ngạt, cần phải làm những động tác cấp cứu (hô hấp nhân tạo, xoa bóp tim nhẹ nhàng ...) và lưu ý giữ cho trẻ đủ ấm.

Quan sát da dẻ đứa trẻ, nếu thấy nó hồng hào thì chứng tỏ phổi và tim làm việc tốt. Trẻ mới đẻ tim đập đều đặn từ 120 - 150 lần một phút. Các hơi thở liên tiếp nhau 50 lần một phút.

2. Cân nặng, chiều cao, vòng đầu

Theo số liệu thống kê, tính trung bình, nếu là bé trai thì nặng từ 2800 gam đến 3800 gam với chiều cao từ 48cm đến 52cm. Nếu là bé gái thì nặng từ 2700 gam đến 3600 gam, với chiều cao từ 47 cm đến 51 cm.

Vòng đầu từ 33cm đến 35 cm. Đối với trẻ sơ sinh của Việt Nam, các chỉ số trên có thể thấp hơn

Khi còn trong bụng mẹ, trẻ sống nhờ vào sự nuôi dưỡng của mẹ. Khi mới lọt lòng, trẻ cất tiếng khóc chào đời chứng tỏ bộ máy hô hấp và tuần hoàn đã bắt đầu hoạt động độc lập. Theo dõi nhịp tim, nhịp thở, cân nặng, chiều cao ... của trẻ mới sinh để biết được tình trạng sức khỏe của nó

Câu hỏi và bài tập

1. Tiếng khóc chào đời của trẻ sơ sinh thể hiện điều gì ?
2. Nêu vài số đo trung bình về cân nặng, chiều cao của trẻ sơ sinh.

Bài 52

ÍCH LỢI CỦA VIỆC NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ

Sữa mẹ có đủ các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển và mọi hoạt động bình thường của cơ thể đứa trẻ mới sinh. Đó là các chất đạm, mỡ, đường, các chất khoáng như canxi, sắt và các vitamin A, B, C ... Do đó trẻ em được nuôi bằng sữa mẹ sẽ phát triển bình thường, dễ tránh được các bệnh như suy dinh dưỡng, còi xương, thiếu máu

Sữa mẹ còn giúp cơ thể đứa trẻ có khả năng chống lại một số bệnh do các vi khuẩn, siêu vi khuẩn gây ra.

Do đó người mẹ phải khỏe mạnh và phải được ăn uống đầy đủ để có sức khỏe tốt nuôi con.

Sữa mẹ có đủ các chất cần thiết cho sự phát triển bình thường của trẻ mới sinh và giúp cơ thể trẻ chống bệnh tốt.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu ích lợi của việc nuôi con bằng sữa mẹ
2. Sức khỏe người mẹ phải như thế nào mới có sữa nuôi con ?

Bài 53

SỰ LỚN LÊN VỀ CHIỀU CAO CỦA CƠ THỂ NGƯỜI

Một đứa trẻ từ lúc mới sinh cho đến lúc trưởng thành, về mặt cấu tạo và khả năng hoạt động của mọi cơ quan trong cơ thể đều có những thay đổi và phát triển. Xét về chiều cao, người ta nhận thấy nó được phát triển nhanh qua 3 giai đoạn sau đây:

1. Từ khi ra đời đến 3 tuổi: con người cao lên rất nhanh
2. Từ 3 tuổi đến 10 tuổi ở con gái và 12 tuổi ở con trai : chiều cao vẫn tiếp tục tăng đều đặn nhưng không tăng nhanh bằng giai đoạn trên.
3. Từ 11 đến 15 tuổi ở con gái và từ 13 đến 17 tuổi ở con trai: chiều cao tiếp tục tăng rất nhanh (Ở giai đoạn này cơ thể người còn có nhiều biến đổi quan trọng khác để chuyển dần từ trẻ con thành người lớn).

Đến tuổi trưởng thành, khoảng trên 20 tuổi hầu như cơ thể người không tiếp tục cao nữa. Vì vậy trẻ em nếu được nuôi dưỡng tốt thì cơ thể sẽ được phát triển bình thường khỏe mạnh.

Từ một đứa trẻ trở thành người lớn, các cơ quan trong cơ thể đều có nhiều biến đổi. Đặc biệt là về chiều cao. Đến quá 20 tuổi hầu như con người không cao thêm được nữa.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu các giai đoạn phát triển chiều cao của cơ thể người ?

2. Trẻ em cần phải được nuôi dưỡng thế nào để sau này không bị lùn hoặc còi cọc

3. Đến độ tuổi nào con người không cao lên được nữa

Bài 54 ÔN TẬP

SỰ SINH SẢN Ở NGƯỜI

1. Người cũng như những động vật có vú khác, đẻ ra con và nuôi con bằng sữa mẹ. Sữa mẹ là thức ăn bổ, cần thiết cho sự lớn lên khỏe mạnh của trẻ sơ sinh

2. Con người lớn lên rất nhiều về chiều cao kể từ lúc mới sinh cho đến tuổi trưởng thành. Đặc biệt từ 11 đến 15 tuổi cơ thể người có những thay đổi quan trọng để chuyển biến dần từ trẻ con thành người lớn.

*

* *

CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Bài 55

MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

1. Môi trường

Hãy nhìn xung quanh em xem có sạch không? Có đông người không? Có ồn ào không? Có khói và bụi không ?

Em sống ở gần một khu rừng, một dòng sông hay một bờ biển, trên một đường phố, trong một xóm ..., bất cứ em ở đâu , xung quanh em là gì, đó là môi trường của em.

Có thể nói nhà của em, trường học của em, làng xóm của em là những môi trường. Nước Việt Nam là môi trường sống của người Việt Nam...

Môi trường bao gồm những yếu tố tự nhiên như địa hình, khí hậu, thực vật, động vật ... và những yếu tố nhân tạo như làng mạc thành phố, công trường, nhà máy...

Ngày nay chúng ta thường nghe nói nhiều về môi trường trên báo chí, vô tuyến truyền hình, đài phát thanh ... và thường được nghe về những ảnh hưởng của môi trường đến chúng ta như bão lụt, động đất ... làm mất mùa và thiệt hại đến tính mạng, tài sản của con người... Nhưng trong thực tế chúng ta cũng đã làm môi trường thay đổi như chặt cây, phá rừng, các nhà máy thải ra các chất độc hại làm bẩn đất, nước, không khí... và hại đến sức khỏe con người.

2. Tài nguyên là những “của cải” có sẵn trong môi trường như không khí, nước, năng lượng mặt trời, các khoáng sản, đất

dại, sinh vật... được con người sử dụng, khai thác cho lợi ích của bản thân và cộng đồng.

Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và các yếu tố nhân tạo bao quanh con người có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.

Con người sử dụng, khai thác các tài nguyên sẵn có của tự nhiên như không khí, nước, khoáng sản, đất đai, thực vật, động vật.... trong cuộc sống và sản xuất.

Câu hỏi và bài tập

1. Hãy kể tên các yếu tố tự nhiên và nhân tạo ở nơi em sống. Em có nhận xét gì về điều kiện vệ sinh ở đó
2. Tài nguyên là gì? Kể tên các tài nguyên thường được sử dụng trong đời sống và sản xuất?

Bài 56

VAI TRÒ CỦA MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, con người ngày càng biết cách sử dụng, khai thác môi trường tự nhiên một cách triệt để hơn.

Môi trường tự nhiên cung cấp cho con người :

- Thức ăn, nước uống, khí thở, nơi ở, nơi làm việc, nơi vui chơi giải trí ...
- Các nguyên liệu và nhiên liệu như các quặng kim loại,

than đá, dầu mỏ, năng lượng mặt trời, sức gió, sức nước... dùng trong các hoạt động sản xuất làm cho đời sống con người ngày một nâng cao hơn.

Môi trường tự nhiên còn là nơi tiếp nhận những chất thải trong sinh hoạt hàng ngày, trong quá trình sản xuất hoặc trong những hoạt động khác của con người.

Trong một thời kỳ lịch sử lâu dài, con người đã coi tự nhiên như một nguồn cung cấp “của cải” vô tận. Ngay ở nước ta cũng có câu “tiền rừng, bạc bể”. Điều đó đã khiến con người khai thác tự nhiên đến cạn kiệt và cũng loại bỏ quá nhiều chất độc hại vào tự nhiên. Môi trường tự nhiên ngày nay ở nhiều nơi, nhiều chỗ đã bị nhiễm bẩn nặng nề và gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người. Gần đây người ta ngày càng hiểu rằng tuy vẫn cần phải sử dụng và khai thác tự nhiên nhưng cũng cần phải có ý thức giữ gìn và bảo vệ nó.

Môi trường tự nhiên cung cấp cho con người đủ mọi thứ cần dùng trong đời sống hàng ngày và trong lao động để sản xuất ra những của cải mới. Nhưng nếu con người tiếp tục sử dụng và khai thác tài nguyên một cách bừa bãi sẽ làm cho tài nguyên bị cạn kiệt và môi trường bị ô nhiễm gây ảnh hưởng xấu trở lại với đời sống, sức khỏe con người. Ngày nay chúng ta vừa sử dụng và khai thác tự nhiên, vừa phải giữ gìn bảo vệ nó.

Câu hỏi và bài tập

1. Đưa ra những ví dụ chứng tỏ môi trường tự nhiên đóng một vai trò quan trọng đối với đời sống con người ?
2. Theo em những tài nguyên tự nhiên trên trái đất này có phải là vô tận không?

3. Tại sao trong cuộc sống hàng ngày chúng ta cần sử dụng tiết kiệm điện, nước, chất đốt ... cũng là góp phần bảo vệ môi trường ?

Bài 57

NHỮNG YẾU TỐ LÀM MÔI TRƯỜNG THAY ĐỔI

Con người là một thành phần của môi trường tự nhiên. Trong quá trình sống, con người vừa chịu ảnh hưởng của môi trường vừa tác động trở lại làm môi trường thay đổi mạnh mẽ.

1. Có ba yếu tố quyết định làm cho môi trường bị thay đổi một cách mạnh mẽ, đó là:

- Số người (dân số)
- Mức tiêu thụ sản phẩm nông, công nghiệp ... bình quân của mỗi cá nhân
- Công nghệ được sử dụng để làm ra của cải cho xã hội

Trong đó dân số và mức tiêu thụ có ảnh hưởng gián tiếp đến sự biến đổi của môi trường. Nguyên nhân trực tiếp làm môi trường biến đổi nhanh chóng chính là việc sử dụng những công nghệ hiện đại, những máy móc tối tân trong việc khai thác tài nguyên, sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.

2. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật có những mặt tốt của nó như : đã giải phóng sức lao động của con người, tạo nhiều tiện nghi cho đời sống con người, giải quyết được nhiều bệnh tật từ bao thế kỷ qua Đồng thời cũng có những tác dụng tiêu cực. Sự mở rộng các ngành công nghiệp mới, đặc biệt

ngành công nghiệp nguyên tử, sự phát triển đô thị ... đã gây ra những hậu quả không nhỏ. Đã tàn phá nhiều khu rừng, nhiều động thực vật bị tiêu diệt, nhiều nguồn nước bị ô nhiễm, không khí ở nhiều khu vực bị nhiễm bụi giao thông, bụi nhà máy, bụi phóng xạ

Thực tế này là một bài toán khó mà các quốc gia và các nhà khoa học trên thế giới phải suy nghĩ và giải quyết.

Có ba yếu tố quyết định làm môi trường bị thay đổi một cách mạnh mẽ là dân số, mức tiêu thụ bình quân của mỗi cá nhân và công nghệ được sử dụng để làm ra của cải cho xã hội. Đây là những vấn đề đặt ra cho các quốc gia và các nhà khoa học trên thế giới phải suy nghĩ và giải quyết.

Câu hỏi và bài tập

1. Kể tên những yếu tố quyết định làm cho môi trường bị thay đổi?
2. Nêu mặt tích cực và tiêu cực của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật?

Theo tính toán của các nhà khoa học, năm 1990 diện tích đất canh tác tính theo đầu người ở :

- Việt Nam : 0, 11 ha
- Trung Quốc : 0,25 ha
- Tây Âu : 2,17 ha

Vậy theo em, nước ta là nước có tài nguyên đất như thế nào?

Chiều hướng phát triển dân số của Việt Nam là ngày càng tăng nhanh. Diện tích đất trồng ngày càng bị thu hẹp. Vậy những điều gì sẽ xảy ra với chúng ta và những thế hệ mai sau.

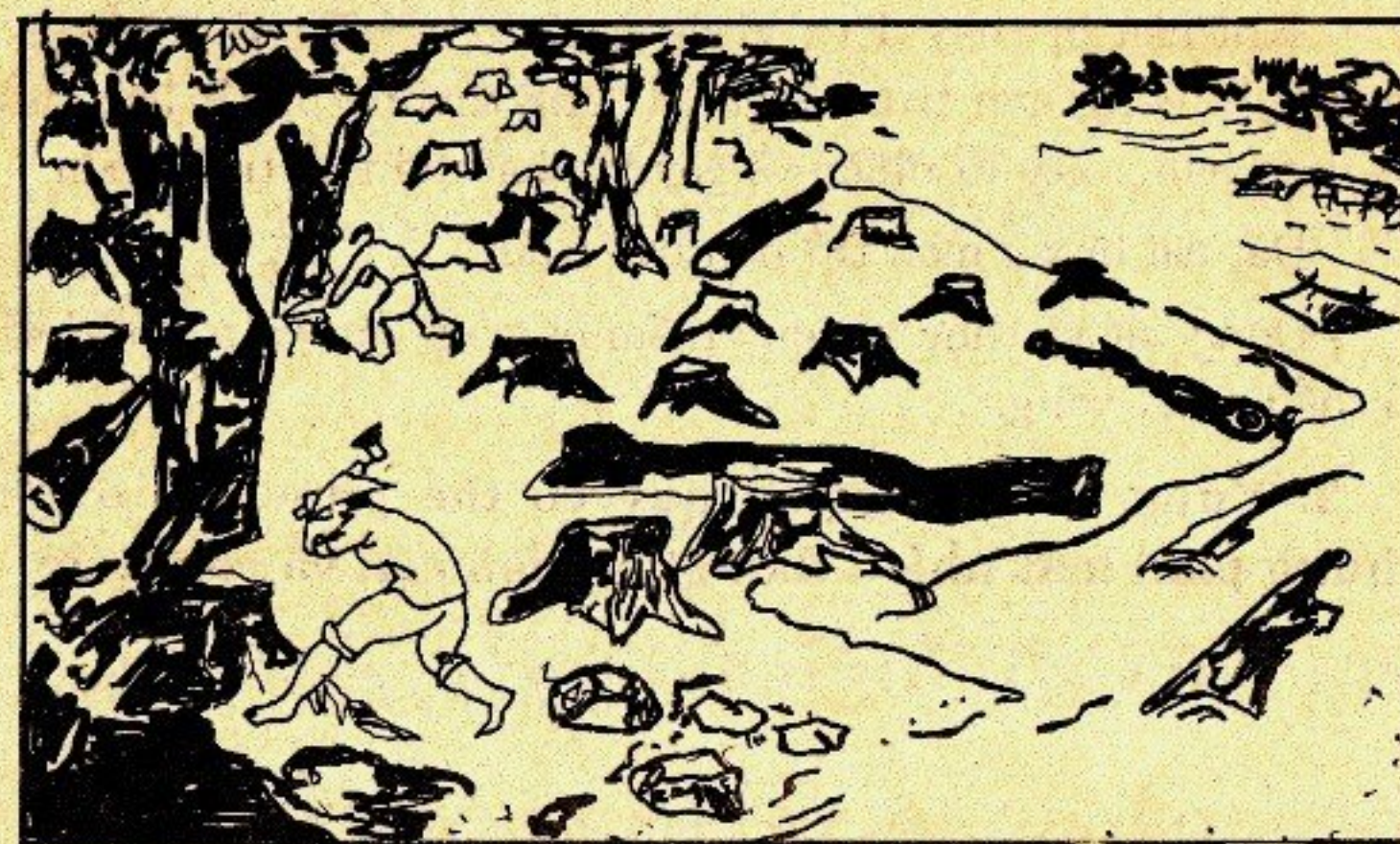
Câu hỏi và bài tập

1. Dân số Việt Nam hiện đang phát triển theo hướng nào ?
2. Diện tích đất canh tác của Việt Nam hiện đang phát triển theo hướng nào ?
3. Nếu dân số tiếp tục tăng nhanh như hiện nay thì điều gì sẽ xảy ra?
4. Em biết gì về cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình hiện nay ở nước ta ?

Bài 59

DÂN SỐ VÀ TÀI NGUYÊN RỪNG

Dân số nước ta tăng quá nhanh và mức tiêu dùng của người dân về ăn ở, mặc, học hành... cao hơn trước đã buộc người ta khai thác gần như cạn kiệt các nguồn tài nguyên tự nhiên, trong đó có rừng.



Hình 24. Nạn phá rừng

1. Rừng của Việt Nam đang bị tàn phá nghiêm trọng và hậu quả của việc phá rừng

a. Theo pháp luật rừng là thuộc sở hữu của nhà nước, nhưng thực tế không được bảo vệ nghiêm ngặt nên đã bị khai thác bừa bãi.

- Người ta đốt rừng để làm nương rẫy lấy đất làm nhà, khai thác mỏ

- Người ta chặt cây để lấy gỗ quý dùng cho công nghiệp, đóng đồ đạc, xuất khẩu và còn để lấy củi đun.

Hiện nay theo ước tính, mỗi năm nước ta mất đi khoảng 20 vạn héc-ta rừng. Với tốc độ tàn phá như vậy thì sang thế kỷ 21 nước Việt Nam sẽ không còn rừng.

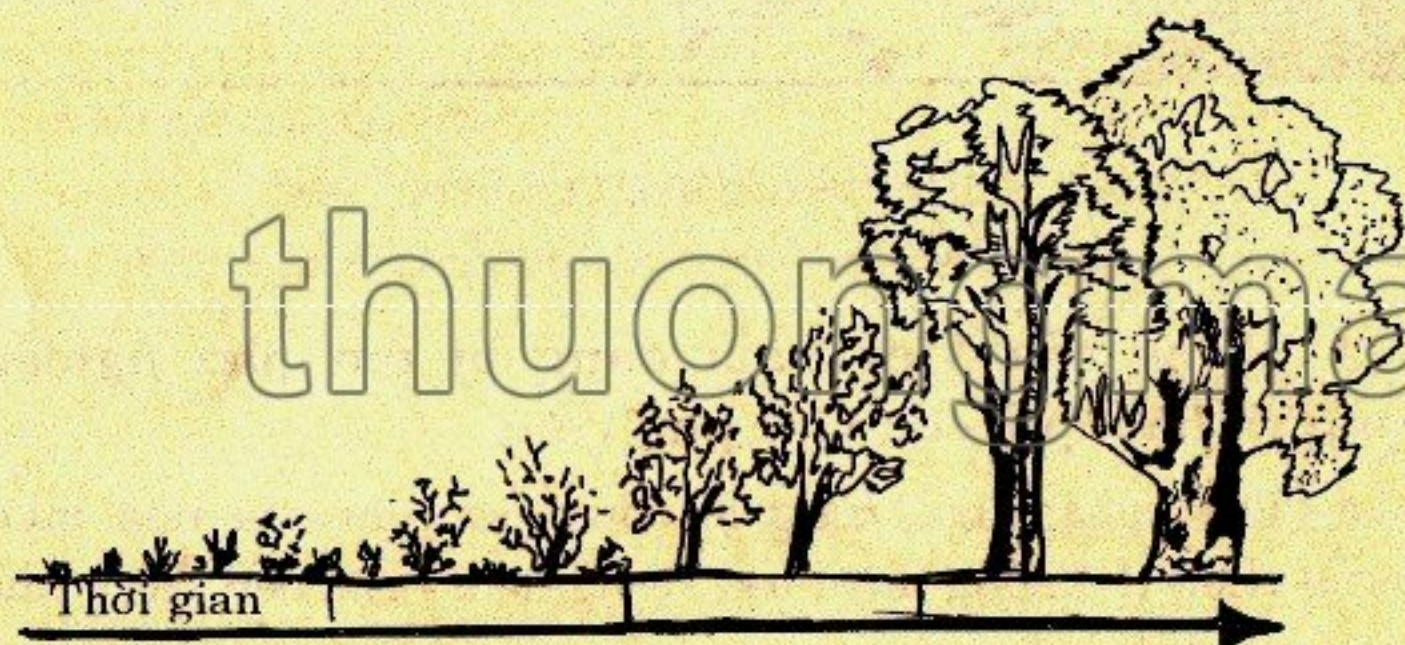
b. Việc suy giảm nhanh chóng diện tích rừng đã làm cho :

- Khí hậu bị thay đổi : ví dụ ở nước ta hiện nay mùa hè thường bị nóng hơn trước và mùa đông thường bị rét hơn. Lũ lụt, hạn hán... xảy ra nhiều và gây tác hại nghiêm trọng hơn

- Đất đai bị xói mòn trở nên bạc màu

- Động vật và thực vật quý hiếm bị giảm dần và một số loài có thể bị diệt vong.

2. Rừng là tài nguyên quý có thể phục hồi được nhưng phải mất nhiều thời gian, tiền của và công sức



Hình 25. Một ví dụ về thời gian để cho cây rừng mọc lại (mỗi khoảng cách ước chừng từ 5 - 10 năm hoặc lâu hơn, tùy loài cây)

Rừng là tài nguyên quý của nước ta, hiện nay đang bị tàn phá nặng nề làm cho khí hậu thay đổi, đất đai bị bạc màu, động thực vật quý hiếm có nguy cơ bị tiêu diệt. Vậy, nhà nước phải làm gì và mỗi người dân phải làm gì để bảo vệ rừng ?

Câu hỏi và bài tập

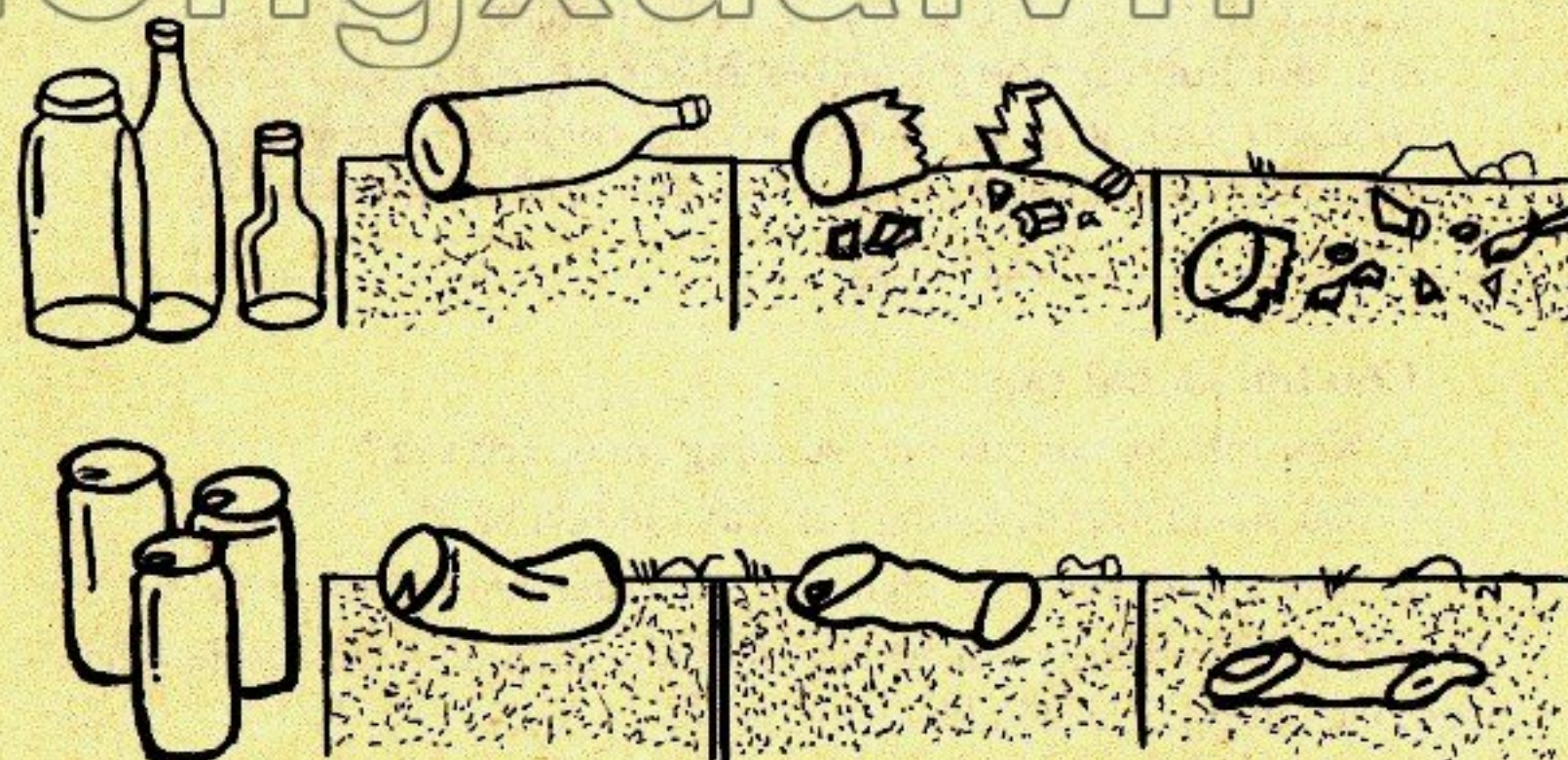
1. Nêu những nguyên nhân thúc đẩy người ta phá rừng ?
2. Việc phá rừng đã dẫn đến những hậu quả gì ?
3. Sưu tầm những thông tin về công việc trồng rừng và bảo vệ rừng trên báo chí.

Bài 60

DÂN SỐ VÀ SỰ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT

Sự tăng dân số không phải là lý do duy nhất làm ô nhiễm môi trường. Nhưng dân số tăng quá nhanh, kéo theo sự nghèo đói, buộc con người phải tăng cường khai thác triệt để tài

Hình 26. Chai lọ và vỏ đồ hộp môi bị thải bỏ



Sau một năm Sau năm năm Sau mười năm

nguyên tự nhiên. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến hủy hoại môi trường.

Hiện nay ở nước ta khối lượng thuốc trừ sâu được dùng ngày một tăng lên theo diện tích gieo trồng.

Các chất hóa học trong thuốc trừ sâu đã làm bẩn đất và gây nhiều hậu quả như làm chết các sinh vật khác sống trên đồng ruộng.

Dân số đông, lượng rác thải ra cũng tăng. Ở Hà Nội từ năm 1981 đến năm 1987, dân số tăng lên 1, 2 lần, khối lượng rác tăng 1, 4 lần. Nếu rác không được phân loại và xử lý hợp vệ sinh thì điều gì sẽ xảy ra? Hãy quan sát hình 26 và trả lời câu hỏi trên.

Sự tăng dân số không phải là lý do duy nhất làm ô nhiễm môi trường. Nhưng dân số tăng quá nhanh, kéo theo sự nghèo đói, buộc con người phải khai thác triệt để tài nguyên tự nhiên cũng là nguyên nhân chính dẫn đến sự hủy hoại môi trường, trong đó có môi trường đất. Việc sử dụng thuốc trừ sâu, việc xử lý rác không hợp vệ sinh và không đúng cách là những nguyên nhân làm nhiễm bẩn đất.

Câu hỏi và bài tập

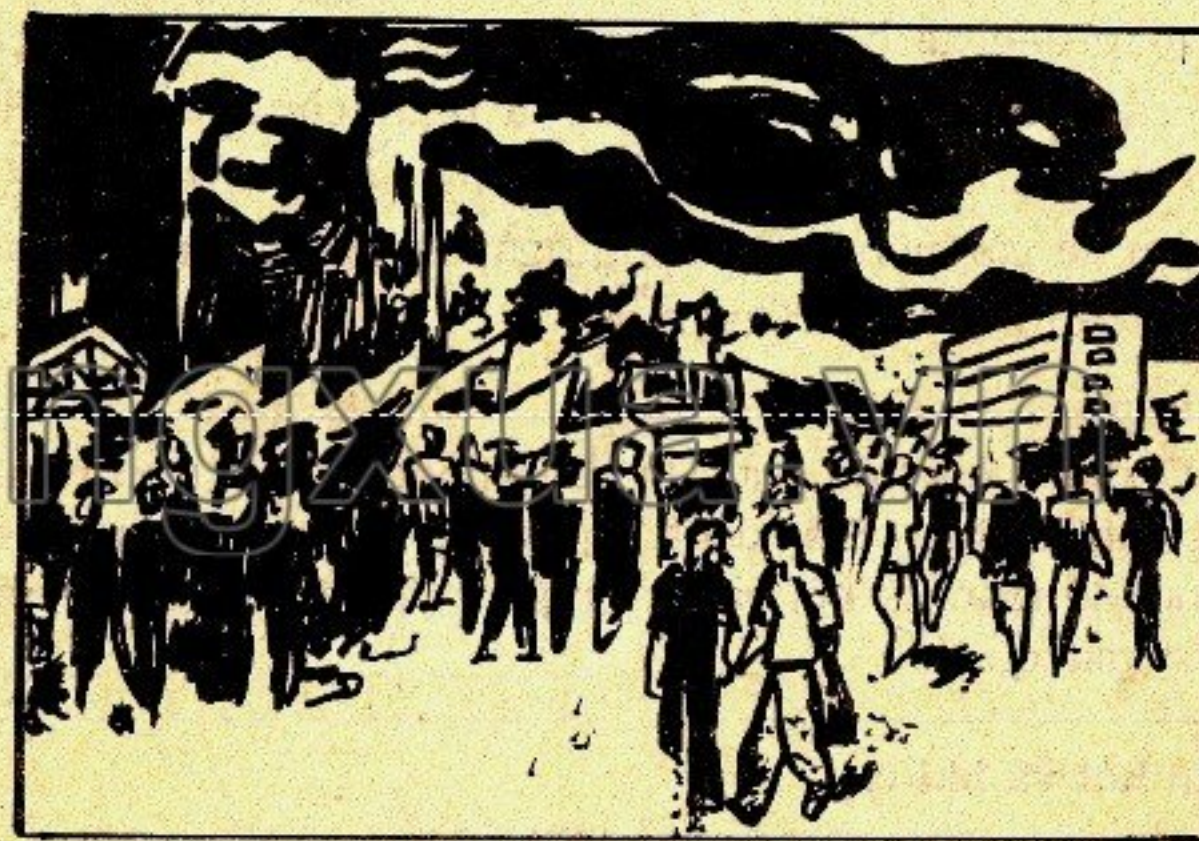
1. Nêu mặt lợi hại của việc sử dụng thuốc trừ sâu?
2. Tại sao chúng ta không nên vứt rác bừa bãi?
3. Nêu ích lợi của việc phân loại rác trước khi rác được xử lý.
4. Sưu tầm những tin tức về các biện pháp diệt trừ sâu bọ khác ngoài việc dùng chất hóa học.

Bài 61

SỰ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ NƯỚC

1. Sự ô nhiễm môi trường không khí

Ở nước ta, tuy nền công nghiệp chưa phát triển nhưng cũng đã có các ngành công nghiệp như năng lượng, vật liệu



Hình 27. Khói, bụi nhà máy

xây dựng, hóa chất, luyện kim và các ngành công nghiệp khác như giấy, đường, dệt, cao su, thuốc lá ...

Trong các nhà máy, khu mỏ thường sử dụng các thiết bị quá cũ, lại thiếu thiết bị lọc bụi, nên đã gây nhiễm bẩn không khí cho các khu vực lân cận (hình 27)

Tại các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí

Minh ... sự ô nhiễm không khí và tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải .. cũng khá nghiêm trọng. Theo tính toán, lượng bụi đã vượt từ 3 đến 11 lần tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

2. Sự ô nhiễm môi trường nước

Ở nước ta đã có hiện tượng một số nguồn nước bị nhiễm bẩn do lượng nước thải của các thành phố và nước thải của các khu công nghiệp, hầu như không được xử lý. Nước ở nhiều kênh, ngòi, ao, hồ hoặc từng khúc sông (ví dụ: nước sông cầu ở vùng Thái nguyên, nước sông Hồng ở đoạn Việt Trì) đã biến thành màu đen và bốc mùi hôi thối. Ngoài ra hệ thống thoát nước ở các thành phố đã quá cũ và ngày càng trở nên không tương xứng với quy mô dân số ngày một tăng. Khả năng thoát nước kém đã gây nên tình trạng ngập úng trong mùa mưa, gây ô nhiễm toàn bộ môi trường ở đó.

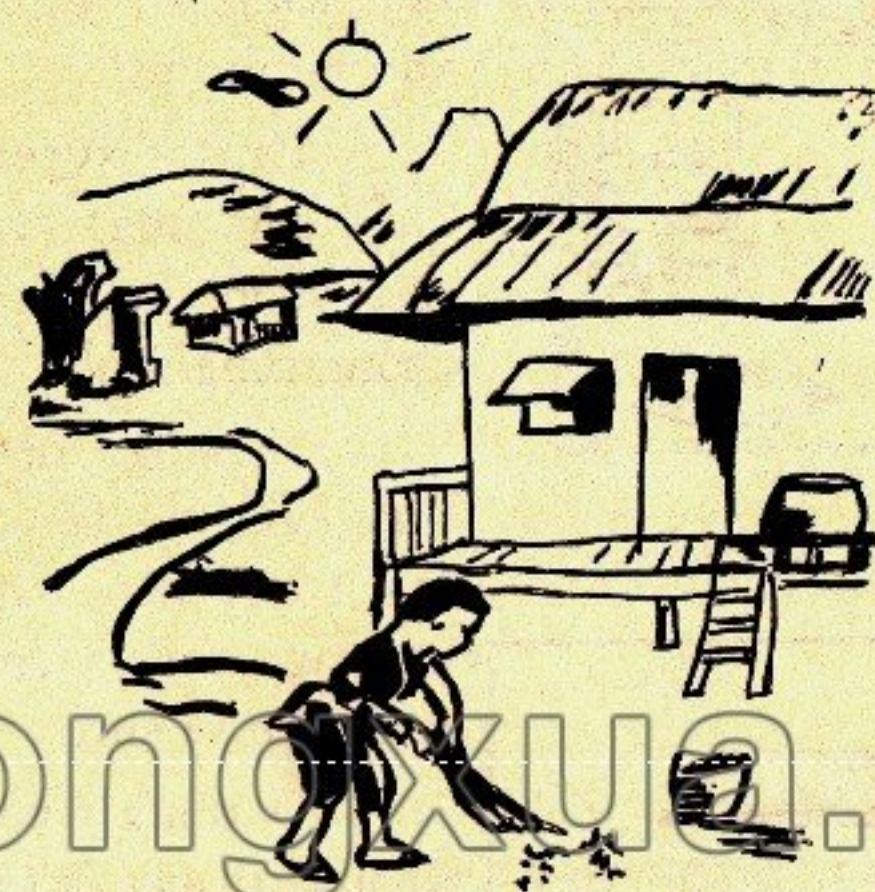
Ở nhiều nơi trên nước ta gây không khí và nguồn nước đã bị nhiễm bẩn. Biết được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường để toàn xã hội và mỗi người dân đều phải có trách nhiệm giải quyết.

Câu hỏi và bài tập

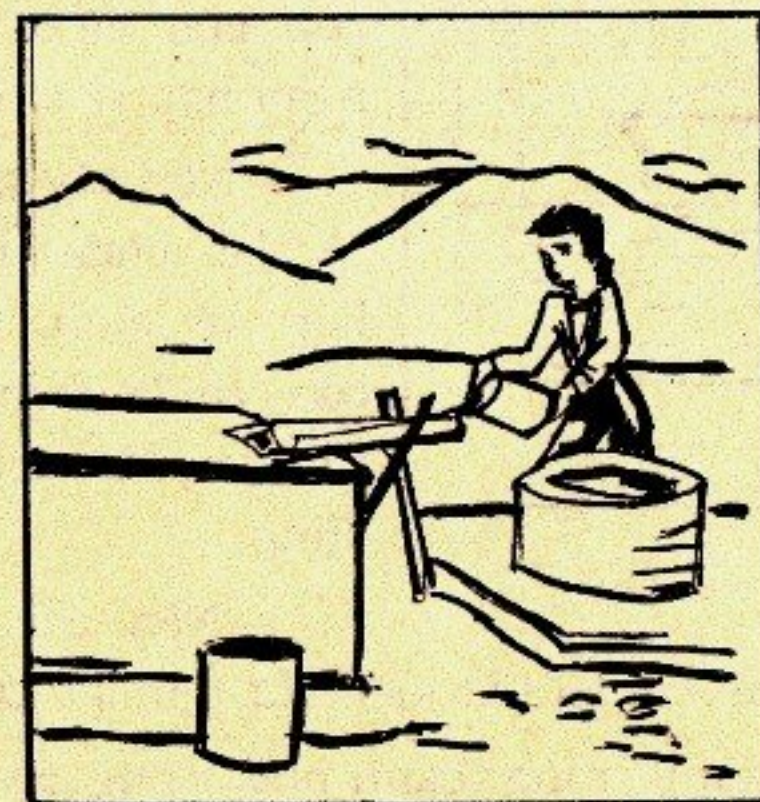
1. Nêu tình trạng môi trường không khí và nguồn nước ở nơi em sống.
2. Hàng ngày em nên làm gì để giữ vệ sinh môi trường xung quanh?

Bài 62

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHÂM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Hình 28. Dọn vệ sinh



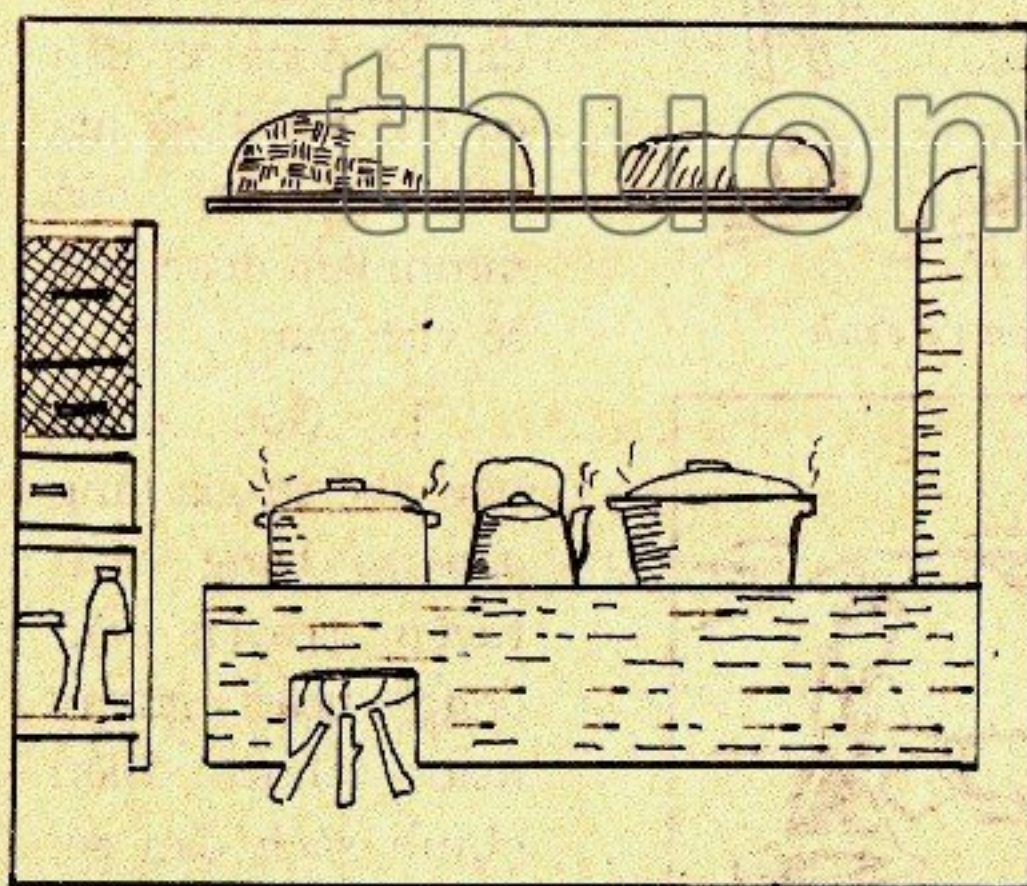
Hình 29. Dùng nước sạch

Bảo vệ môi trường không phải là việc riêng của mỗi quốc gia, mỗi tổ chức nào đó mà là nhiệm vụ chung của mỗi người trên thế giới. Mỗi người dân ở nước ta đều có thể tùy theo lứa tuổi, vị trí của mình, làm được một số việc sau:

1. Góp phần hạn chế sự gia tăng dân số bằng cách tuyên truyền vận động hoặc gương mẫu thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình của Nhà nước. (nữ sau 22 tuổi, nam sau 25 tuổi mới



Hình 30. Bếp đun theo kiểu cũ



Hình 31. Bếp đun cải tiến

nên xây dựng gia đình và gia đình chỉ có 1 hoặc hai con).

2. Xây dựng nếp sống vệ sinh, văn minh như :

- Thường xuyên quét dọn nhà cửa, sân vườn và khơi thông cống rãnh.

- Không nên nuôi lợn, trâu, bò thả rông; nên làm chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

- Ở những nơi không có điều kiện làm hố xí tự hoại nên làm hố xí hai ngăn hợp vệ sinh

- Nên xây giếng và bể chứa nước hợp vệ sinh, đảm bảo thường xuyên có đủ nước sạch để dùng

- Nên cải tiến

bếp đun, vừa đỡ khói, đỡ tốn củ lại tiết kiệm được nhiệt lượng.

3. Tích cực trồng cây xanh trong thành phố, trồng cây gây

rừng và phủ xanh đồi trọc... chống phá rừng và săn bắt thú rừng bừa bãi.

Việc giữ gìn bảo vệ môi trường là nhiệm vụ chung của mọi người. Nếu có ý thức tốt ai cũng có thể làm được.

Câu hỏi và bài tập

1. Kể một số biện pháp nhằm bảo vệ môi trường
2. Em có thể làm được những gì để giữ gìn nhà cửa, trường lớp, xóm làng sạch đẹp ?

Bài 63. THỰC HÀNH

LÀM VỆ SINH LỚP HỌC HOẶC SÂN TRƯỜNG

Bài 64 ÔN TẬP

CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

1. Con người là một thành phần của môi trường tự nhiên. Trong quá trình sinh sống con người vừa chịu ảnh hưởng của môi trường vừa tác động trở lại làm môi trường thay đổi mạnh mẽ.

2. Ngày nay người ta đã nhận thấy được hậu quả của việc tăng dân số quá nhanh, của các tác động kĩ thuật đến tự nhiên và việc thiếu ý thức, thiếu hiểu biết về tự nhiên đã làm hủy hoại môi trường. Nhiều khoáng sản quý bị cạn kiệt, nhiều động thực vật bị tiêu diệt, đất, nước, không khí bị nhiễm bẩn... đã ảnh hưởng xấu đến đời sống, sức khỏe của mọi người.

3. Ở Việt Nam dân số tăng quá nhanh, ruộng đất bình quân theo đầu người ngày càng giảm. Rừng bị tàn phá nặng nề. Tuy chưa phải nước công nghiệp phát triển nhưng do thiếu ý thức và thiếu hiểu biết ở nhiều nơi môi trường đất, không khí, nước... cũng đã bị nhiễm bẩn nặng nề.

4. Việc giữ gìn bảo vệ môi trường, bảo vệ khung cảnh vệ sinh chung nơi ở, nơi học tập, làm việc vui chơi giải trí là nhiệm vụ chung của của các quốc gia, các tổ chức và của mọi người trên thế giới.

Bài 65, 66

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI NĂM

ĐỊA LÍ

ĐỊA LÍ THẾ GIỚI

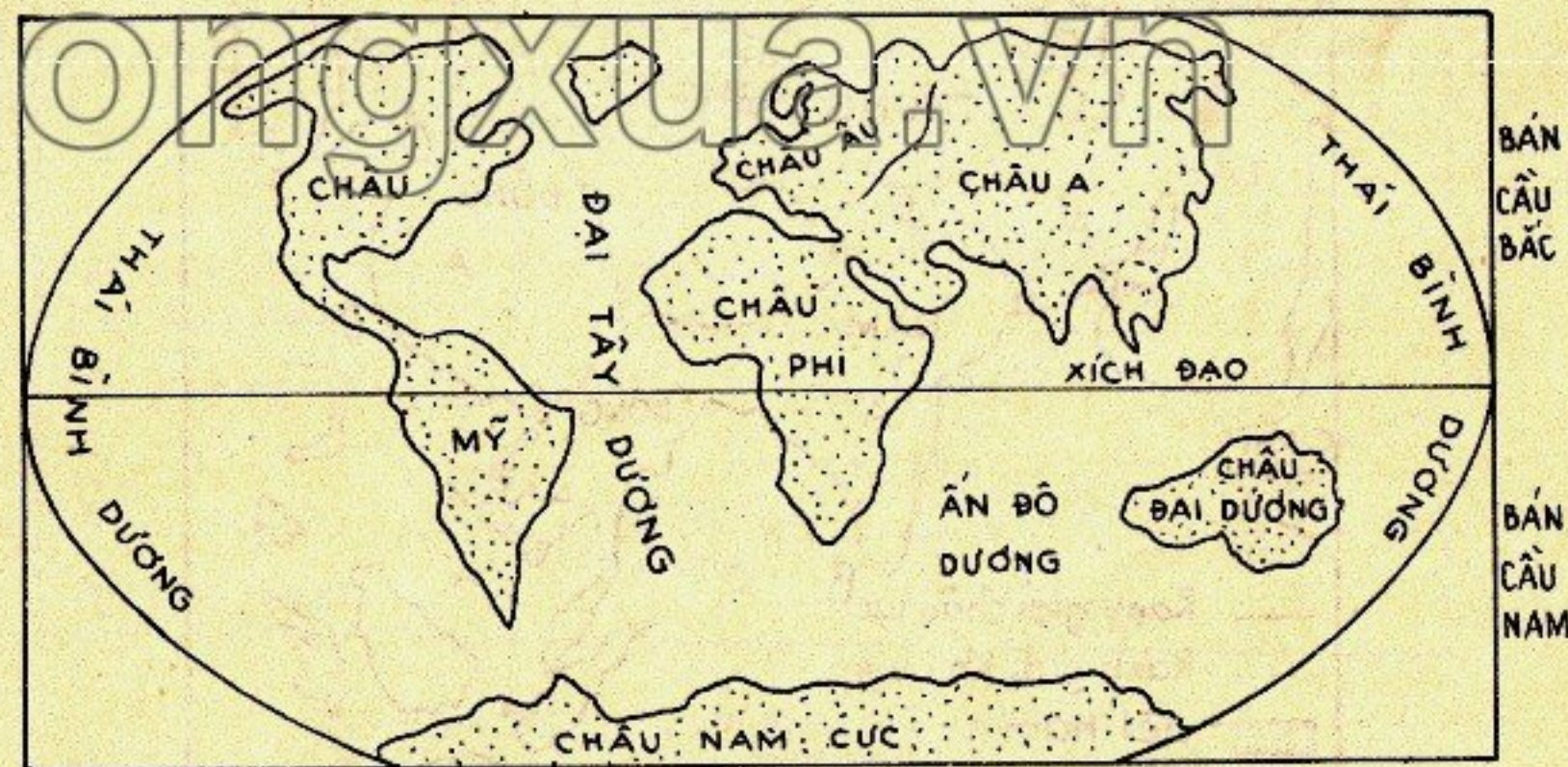
Tuấn

Bài 18

CHÂU Á

1. Vị trí, giới hạn

Châu Á là một trong 6 châu lục của thế giới.

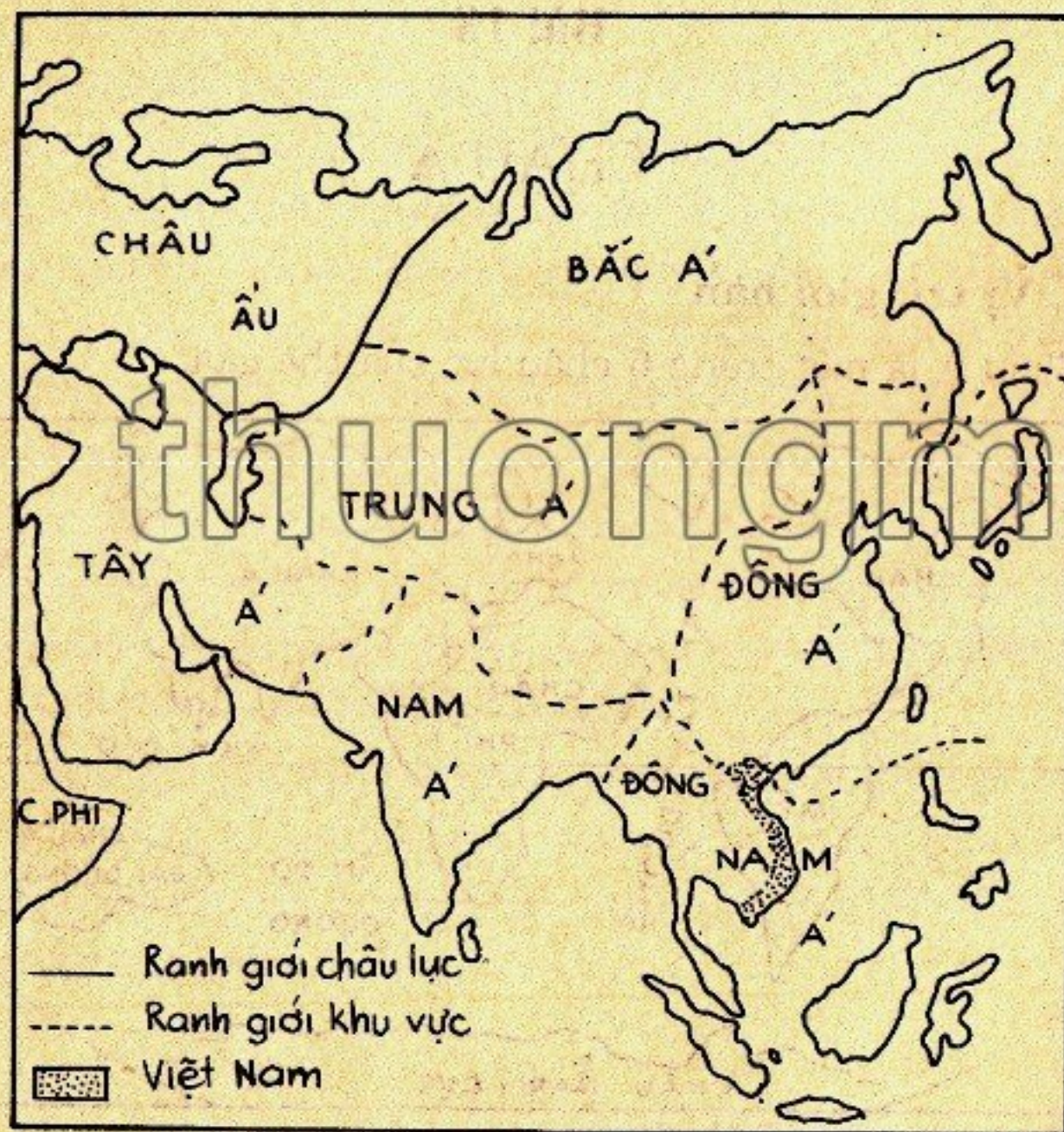


Hình 32. Lược đồ các châu lục và đại dương.

Châu Á nằm ở bán cầu nào?

Nêu tên và chỉ các châu lục, các đại dương bao quanh châu Á?

Tên châu lục	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)
Á	44	3275
Mĩ	42	736
Phi	30	654
Âu	10	627
Dại Dương	9	28
Nam Cực	14	-



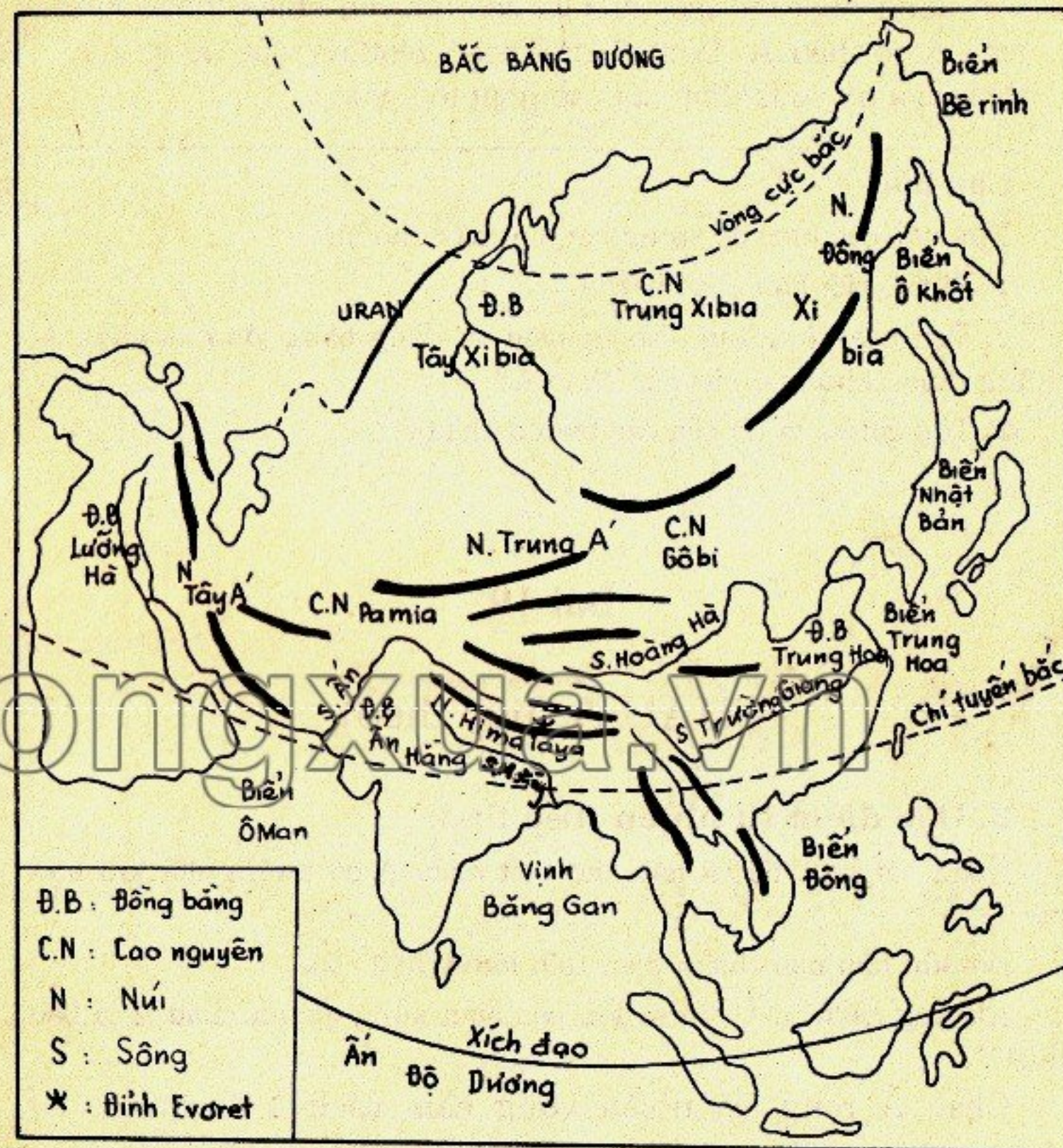
Hình 33. Các khu vực của châu Á.

So sánh diện tích và dân số của châu Á với các châu lục khác.

Châu Á có những khu vực nào?

Việt Nam thuộc khu vực nào của châu Á?

2. Đặc điểm tự nhiên



Hình 34. Lược đồ địa hình châu Á.

$\frac{3}{4}$ diện tích châu Á là vùng núi và cao nguyên.

- Em hãy nêu tên các vùng núi, cao nguyên và đồng bằng của châu Á.

- Đỉnh Evơrét thuộc vùng núi nào?

Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, có diện tích lớn nhất và số dân đông nhất thế giới. Núi và cao nguyên chiếm phần lớn diện tích châu Á. Đỉnh Everest (cao 8848m) của vùng núi Himalaya đồ sộ là đỉnh núi cao nhất thế giới.

Câu hỏi

Dựa vào các lược đồ trong bài, em hãy cho biết:

1. Vị trí, giới hạn của châu Á.
2. Tên các vùng núi, cao nguyên và đồng bằng lớn của châu Á. Chúng thuộc khu vực nào của châu Á?
3. Tên gọi và vị trí của các biển ở châu Á?

Bài 19

CHÂU Á (tiếp theo)

2. Đặc điểm tự nhiên (tiếp theo)

Quan sát lược đồ và hãy cho biết châu Á có những đới khí hậu nào?

Đới khí hậu nào chiếm diện tích lớn nhất?

Khoảng cách từ Urumsi đến các biển xung quanh châu Á là bao nhiêu?

Châu Á rộng, có nhiều vùng nằm cách biển rất xa. Ở những vùng cách xa biển, mùa đông thường giá rét, mùa hè nóng bức, nhiệt độ ban ngày và ban đêm chênh lệch nhau rất nhiều. Đó là biểu hiện của khí hậu lục địa.

Các vùng ven biển thường có khí hậu đại dương, mưa nhiều, nhiệt độ chênh lệch ít, mùa đông ấm áp, mùa hè mát mẻ.



Hình 35. Lược đồ tự nhiên châu Á.

Dựa vào lược đồ nêu tên các sông lớn ở châu Á?

3. Đặc điểm dân cư, kinh tế

Người châu Á chủ yếu thuộc chủng tộc Mônggôlôit, da vàng, tóc và mắt đen (còn gọi là người da vàng). Họ sống tập trung đông đúc tại các vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ và làm nghề nông là chủ yếu. Phần lớn các nước châu Á là nước nông nghiệp. Đời sống nhân dân nói chung còn khó khăn chỉ ở một số nước có nền công nghiệp phát triển mạnh như Nhật Bản,

Hàn Quốc, Xingapo thì người dân có mức sống khá hơn.

Châu Á có nhiều đới khí hậu, trong đó khu vực khí hậu ôn đới-lục địa chiếm diện tích lớn nhất.

Phần lớn dân cư châu Á thuộc chủng tộc Mônggôlôit (da vàng), họ sống tập trung đông đúc tại các đồng bằng châu thổ và làm nông nghiệp là chính. Một số nước có nền công nghiệp phát triển.

Câu hỏi

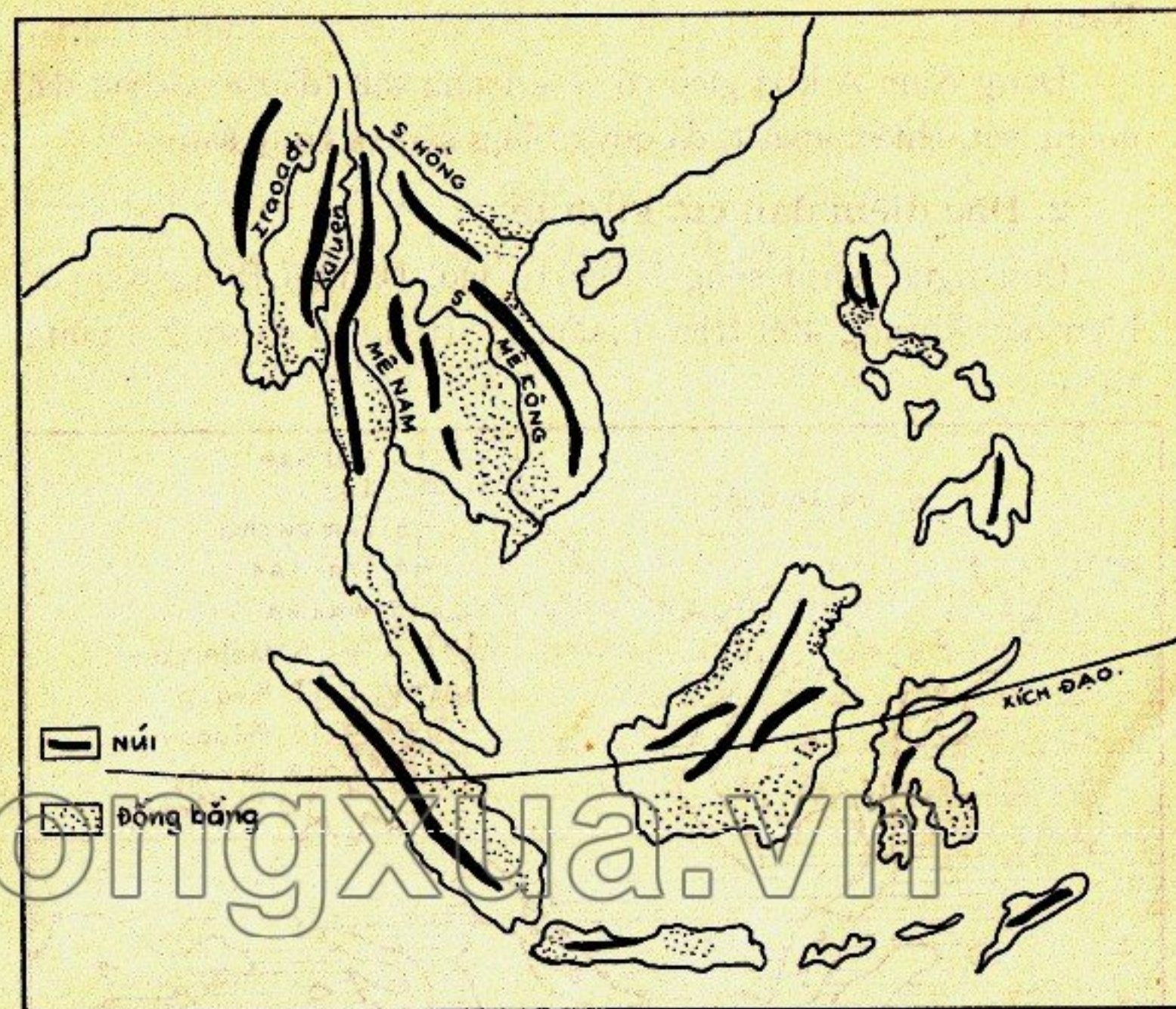
1. Tại sao châu Á lại có nhiều đới khí hậu?
2. Chỉ trên lược đồ và nêu tên ba sông lớn của châu Á.
3. Dân cư châu Á tập trung đông đúc ở những vùng nào?
4. Điền tên các thành phố lớn theo thứ tự dưới đây vào lược đồ châu Á trong bài học:
 - a. Thượng Hải
 - b. Thành phố Hồ Chí Minh
 - c. Băng cốc
 - d. Cancuta
 - e. Ancara.

Bài 20

ĐÔNG NAM Á

1. Vị trí, đặc điểm tự nhiên

Khu vực Đông Nam Á bao gồm phần đất liền và một số đảo. Phần đất liền gọi là bán đảo Trung Ấn (vì bán đảo này nằm giữa hai nước Trung Quốc và Ấn Độ). Các đảo nằm ở phía Tây



Hình 36. Lược đồ tự nhiên Đông Nam Á.

Thái Bình Dương, trong vòng đai nhiệt đới.

Do vị trí như vậy nên Đông Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Địa hình Đông Nam Á chủ yếu là núi và cao nguyên. Xen kẽ giữa các dãy núi là đồng bằng nhỏ hẹp nằm dọc các sông như sông Hồng, sông Mê Công, sông Mê Nam, sông Xa Luen. Ra đến vùng ven biển, các đồng bằng mới được mở rộng.

Do đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu thuận lợi nên các đồng bằng này là những vựa lúa quan trọng của khu vực Đông

Nam Á.

Đông Nam Á khá giàu có về khoáng sản (đầu mỏ, than đá, quặng sắt, thiếc, apatit, đá quý...) lâm sản và thủy sản.

2. Đặc điểm dân cư, kinh tế

Con người sinh sống ở đây từ lâu. Dân số Đông Nam Á hiện nay khoảng 450 triệu người, $\frac{2}{3}$ trong số đó sống ở nông thôn.



Hình 37. Lược đồ các nước Đông Nam Á

- Hãy đọc tên nước và thủ đô của 10 nước trong khu vực?
- Hãy tính số dân ở nông thôn.

Xingapo, nước nhỏ nhất trong khu vực, có nền kinh tế phát triển mạnh nhất hiện nay. Các nước còn lại đều là nước

nông nghiệp. Lúa, cao su, dầu cọ, dầu dừa là những nông phẩm nổi tiếng của khu vực.

Trước đây, nhiều nước Đông Nam Á hầu như chỉ có ngành công nghiệp khai thác khoáng sản để xuất khẩu.

Ngày nay nhiều nước Đông Nam Á phát triển thêm một số ngành công nghiệp nữa như luyện kim, lọc dầu, hóa chất, sản xuất máy nông nghiệp, phương tiện giao thông.

Phát triển công nghiệp và dịch vụ là những hướng đang được ưu tiên ở các nước Đông Nam Á.

Đông Nam Á gồm bán đảo Trung Ấn và nhiều đảo ở Tây Thái Bình Dương. Với khí hậu nhiệt đới gió mùa và các đồng bằng châu thổ màu mỡ, Đông Nam Á là vùng chuyên sản xuất và xuất khẩu gạo, cao su, dầu cọ, dầu dừa. Ngoài việc khai thác và xuất khẩu khoáng sản, các nước Đông Nam Á hiện đang ưu tiên phát triển mạnh một số ngành công nghiệp khác.

Câu hỏi

1. Em hãy cho biết vị trí của Đông Nam Á?
2. Đông Nam Á có những điều kiện gì để phát triển nông nghiệp?
3. Hãy lập bảng ghi tên nước và thủ đô của các nước trong khu vực Đông Nam Á theo mẫu sau :

Số thứ tự	Tên nước	Thủ đô
1	Việt Nam	Hà Nội
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		

Bài 21

MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á

1. Trung Quốc

Trung Quốc là nước láng giềng ở phía Bắc nước ta. Trung Quốc là một nước lớn có số dân đông nhất thế giới (khoảng 1100 triệu người). Cứ 5 người trên Trái Đất thì có 1 người Trung Quốc.

Thiên nhiên Trung Quốc đa dạng và có sự khác biệt giữa miền Tây với miền Đông.

Miền Tây gồm nhiều núi và cao nguyên có khí hậu lục địa.

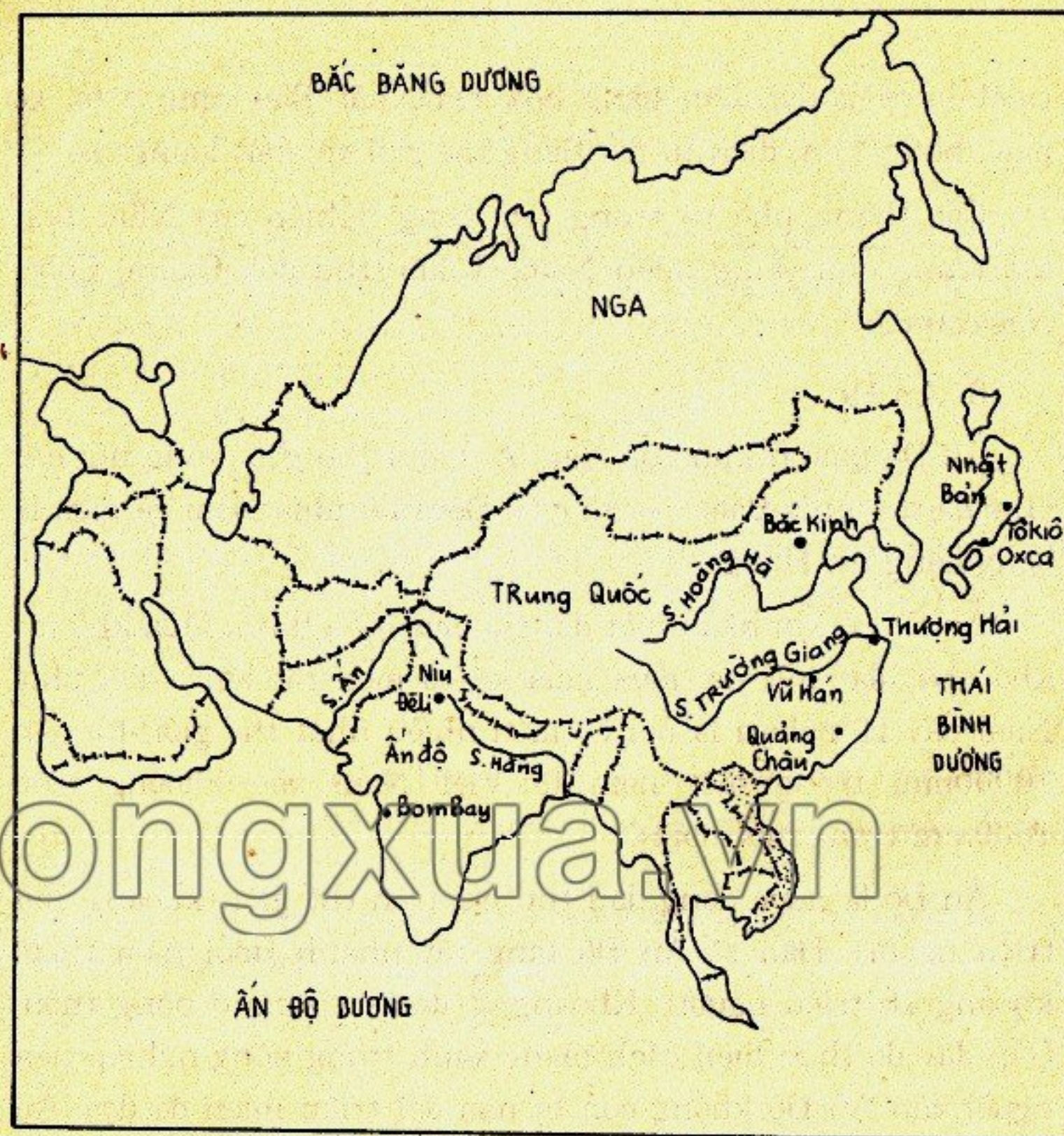
Miền Đông chủ yếu là đồng bằng có khí hậu gió mùa. Phần lớn dân cư Trung Quốc sống ở miền Đông. Tại các đồng bằng phía Bắc người ta trồng các loại cây xứ lạnh: lúa mì, củ cải đường, quýt, táo, lê. Ở các đồng bằng phía Nam họ trồng cây xứ nóng: lúa nước, mía, chè, cam...

Trung Quốc đang phát triển mạnh nhiều ngành công nghiệp. Ngoài các mặt hàng đã nổi tiếng từ xưa như hàng dệt, đồ sứ, thực phẩm. Trung Quốc còn có nhiều sản phẩm hiện đại như các loại máy móc thiết bị, hàng điện tử.

Các thành phố lớn của Trung Quốc tập trung ở miền Đông như Thượng Hải, thủ đô Bắc Kinh, Vũ Hán, Quảng Châu...

2. Nhật Bản

Nhật Bản là một đảo quốc gồm 4 đảo lớn và nhiều đảo nhỏ thuộc khu vực Đông Á và cách đất liền bởi biển Nhật Bản. Nước Nhật Bản không rộng lắm, chỉ lớn hơn nước ta một ít và



Hình 38. Lược đồ một số nước ở châu Á.

không có nhiều tài nguyên khoáng sản. Nhật Bản có số dân khá đông (khoảng 120 triệu người). Người dân Nhật Bản thông minh, cần cù, có nền khoa học kĩ thuật hiện đại, xây dựng nền kinh tế vững mạnh hàng đầu thế giới. Nhật Bản đã tận dụng sự thuận lợi của đường giao thông trên biển để nhập nguyên, nhiên liệu, sản xuất ra hàng hóa rồi lại xuất khẩu ra nước ngoài thu được nhiều lãi. Nhờ nguồn lao động lành nghề, máy móc

thiết bị hiện đại, nên hàng hóa của Nhật Bản như: ô tô, xe máy, hàng điện, điện tử nổi tiếng thế giới về chất lượng cao.

Các thành phố và trung tâm công nghiệp của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở miền Nam: Tôkiô (thủ đô), Ôxaca, Côbê, Nagaxaki.

3. Ấn Độ

Ấn Độ nằm ở khu vực Nam Á. Lãnh thổ gồm vùng núi cao Himalaya ở phía Bắc, cao nguyên Đêcan ở phía Nam và giữa là đồng bằng Ấn Hằng.

Ấn Độ có khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình. Mùa khô rất khô, mặt đất nứt nẻ, mùa mưa lại có mưa rất lớn; sườn phía Nam dãy Himalaya là nơi có mưa nhiều nhất thế giới, tới gần 10000mm trong một năm (ở Việt Nam vào khoảng trên 1500mm trong một năm).

Ấn Độ là nước đông dân thứ hai trên thế giới (khoảng 860 triệu người). Dân số Ấn Độ tăng rất nhanh (mỗi năm thêm khoảng 16 triệu người). Khoảng $\frac{2}{3}$ dân cư sống ở nông thôn. Gần đây do thực hiện cách mạng xanh trong nông nghiệp nên người dân Ấn Độ không còn bị nạn đói triền miên đe dọa. Ấn Độ cố gắng phát triển công nghiệp, sản xuất từ máy móc, thiết bị giao thông đến quần áo, chế biến thực phẩm... để đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong nước và xuất khẩu.

Trung Quốc là nước lớn, có số dân đông nhất thế giới. Dân cư và các hoạt động kinh tế tập trung chủ yếu ở miền Đông.

- Nhật Bản là một đảo quốc, không giàu tài nguyên nhưng nhân dân cần cù lao động, lại có tay nghề cao, trình độ khoa học kĩ thuật phát triển nên đã xây dựng được một nền kinh tế vững mạnh. Nhật Bản nổi tiếng về các mặt hàng công nghiệp như điện tử, ô tô, xe máy...

- Ấn Độ có khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, có số dân đứng thứ hai thế giới. Nhờ thực hiện cách mạng xanh nên dân Ấn Độ không còn bị nạn đói đe dọa. Ấn Độ rất chú trọng phát triển công nghiệp để đáp ứng nhu cầu nhân dân trong nước và xuất khẩu.

Câu hỏi

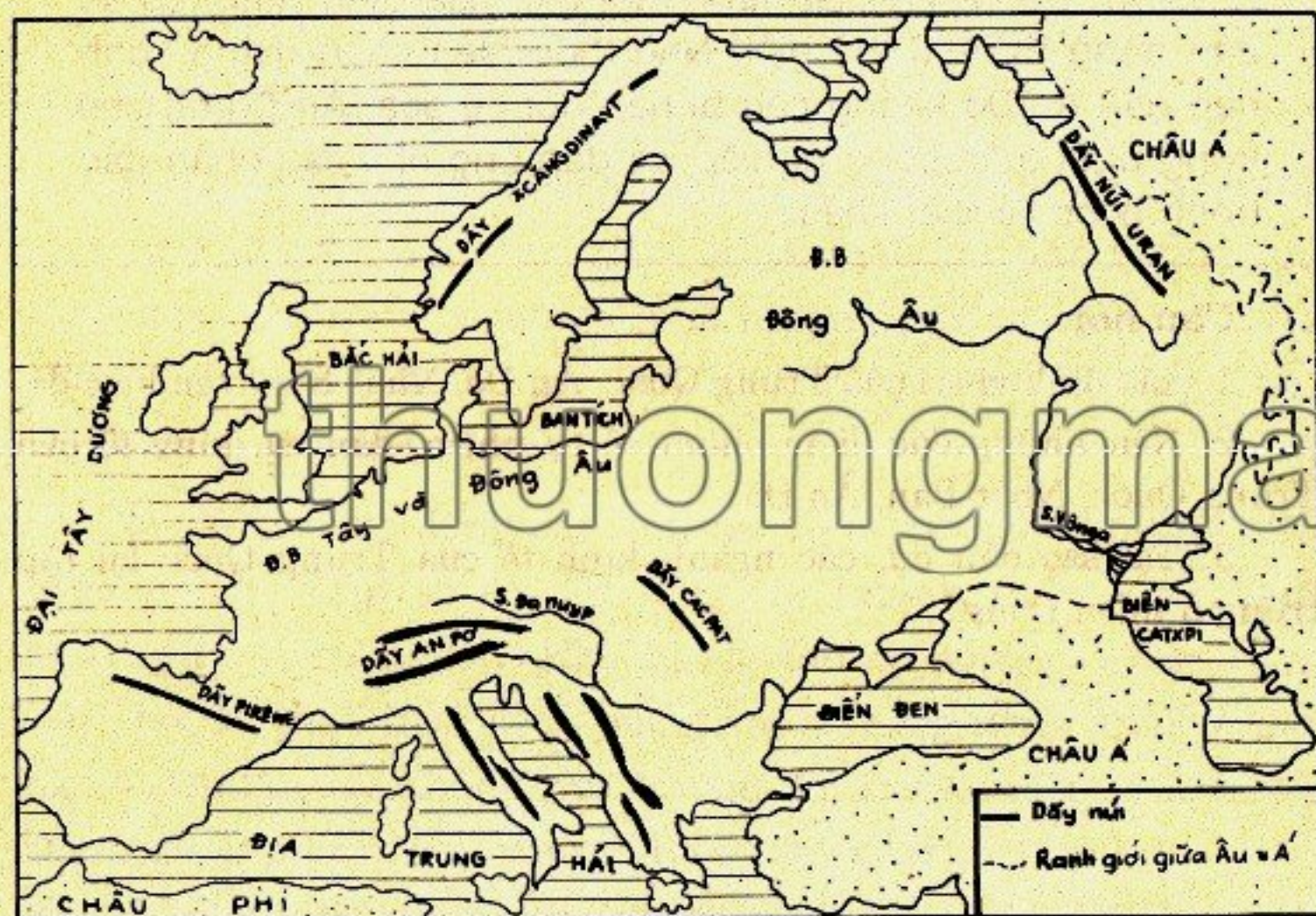
1. Xác định vị trí của Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản trên lược đồ.
2. Nêu những đặc điểm chính về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ.
3. Tại sao dân cư, các ngành kinh tế của Trung Quốc lại tập trung ở miền Đông?

Bài 22

CHÂU ÂU

1. Vị trí, đặc điểm tự nhiên

Châu Âu là một châu lục nhỏ, nằm ở phía Tây châu Á.



Hình 39. Lược đồ tự nhiên châu Âu.

- Hãy quan sát lược đồ xem châu Âu giáp những biển và đại dương nào?

$\frac{2}{3}$ diện tích châu Âu là đồng bằng, còn lại là vùng núi và cao nguyên.

- Hãy đọc tên và chỉ các đồng bằng, các dãy núi Uran, Anpơ,

Cacpat trên lược đồ.

Vì nằm ở vòng đai ôn đới, lại có nhiều biển lấn sâu vào đất liền nên phần lớn lãnh thổ châu Âu có khí hậu ôn hòa, mùa đông lạnh có tuyết rơi, mùa hè mát mẻ.

2. Đặc điểm dân cư, kinh tế

Châu Âu có mật độ dân số cao (khoảng 62 người trên một kilômet vuông).

Đa số dân châu Âu thuộc chủng tộc Ôrôpêôit, người cao to, da trắng, mũi cao. Ngoài ra nơi đây cũng có một số ít người da vàng, da đen từ nơi khác đến.

Nhờ có đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa, người dân có trình độ văn hóa cao, công nghiệp và giao thông vận tải phát triển mà hầu hết các nước ở châu Âu có nền kinh tế phát triển, nhân dân có mức sống cao. Những sản phẩm công nghiệp nổi tiếng của châu Âu được bán ra khắp thế giới là máy móc, len dạ, đồ ăn đóng hộp, dược phẩm, mĩ phẩm....

Châu Âu ở phía Tây châu Á, có khí hậu ôn hòa. Đa số dân châu Âu là người Ôrôpêôit (da trắng).

Hầu hết các nước châu Âu có nền kinh tế phát triển.

Câu hỏi

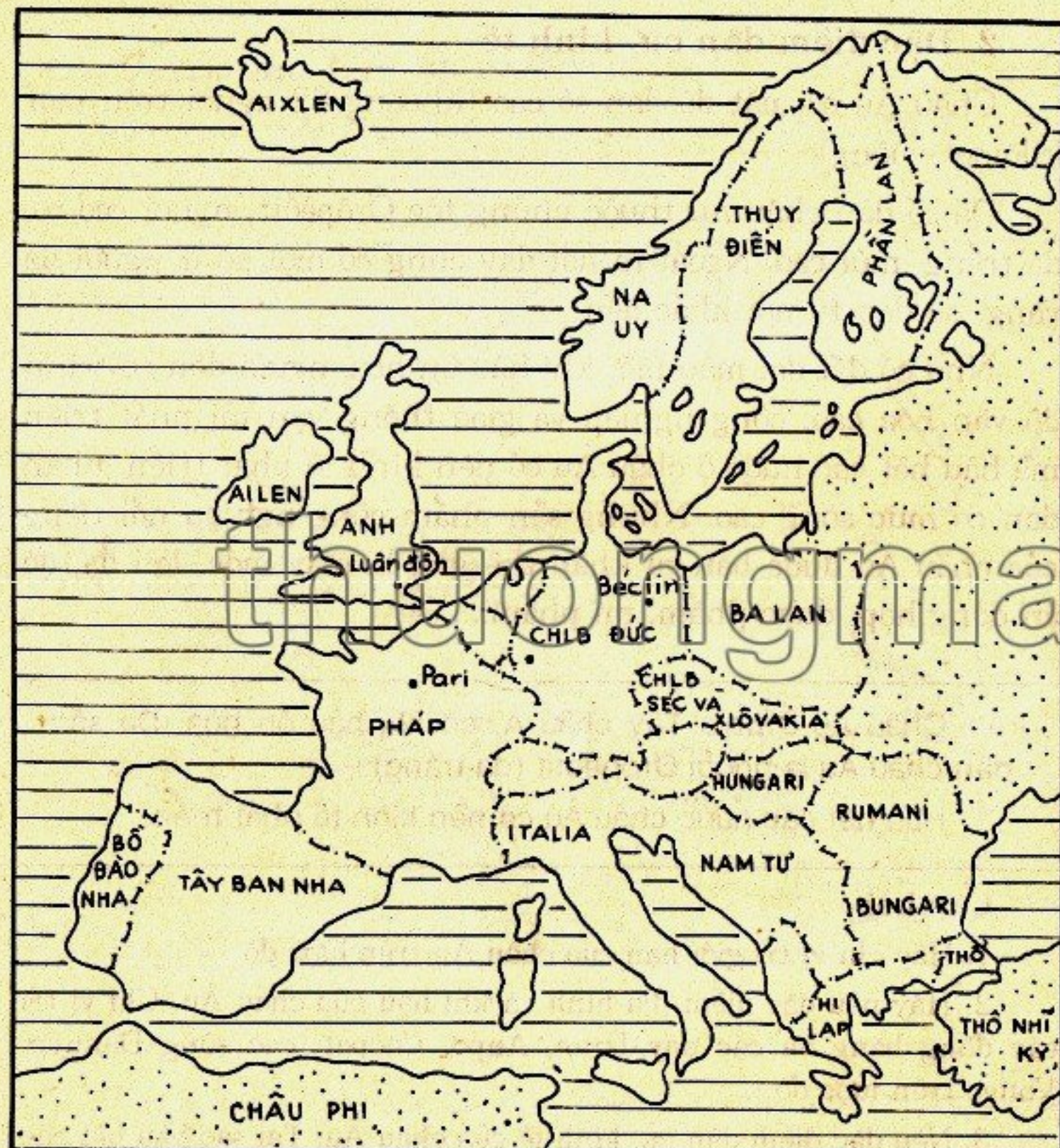
1. Hãy chỉ vị trí giới hạn của châu Âu trên lược đồ.

2. Hãy nêu đặc điểm địa hình và khí hậu của châu Âu. Chỉ vị trí các đồng bằng và các dãy Uran, Anpơ, Cacpat, các sông Đanuyp, Vônga trên lược đồ.

3. Nêu đặc điểm dân cư, kinh tế của châu Âu. Tại sao hầu hết các nước ở châu Âu có nền kinh tế phát triển?

Bài 28: Thực hành MỘT SỐ NƯỚC Ở CHÂU ÂU

1. Anh, Pháp, Đức



Hình 40. Lược đồ các nước châu Âu.

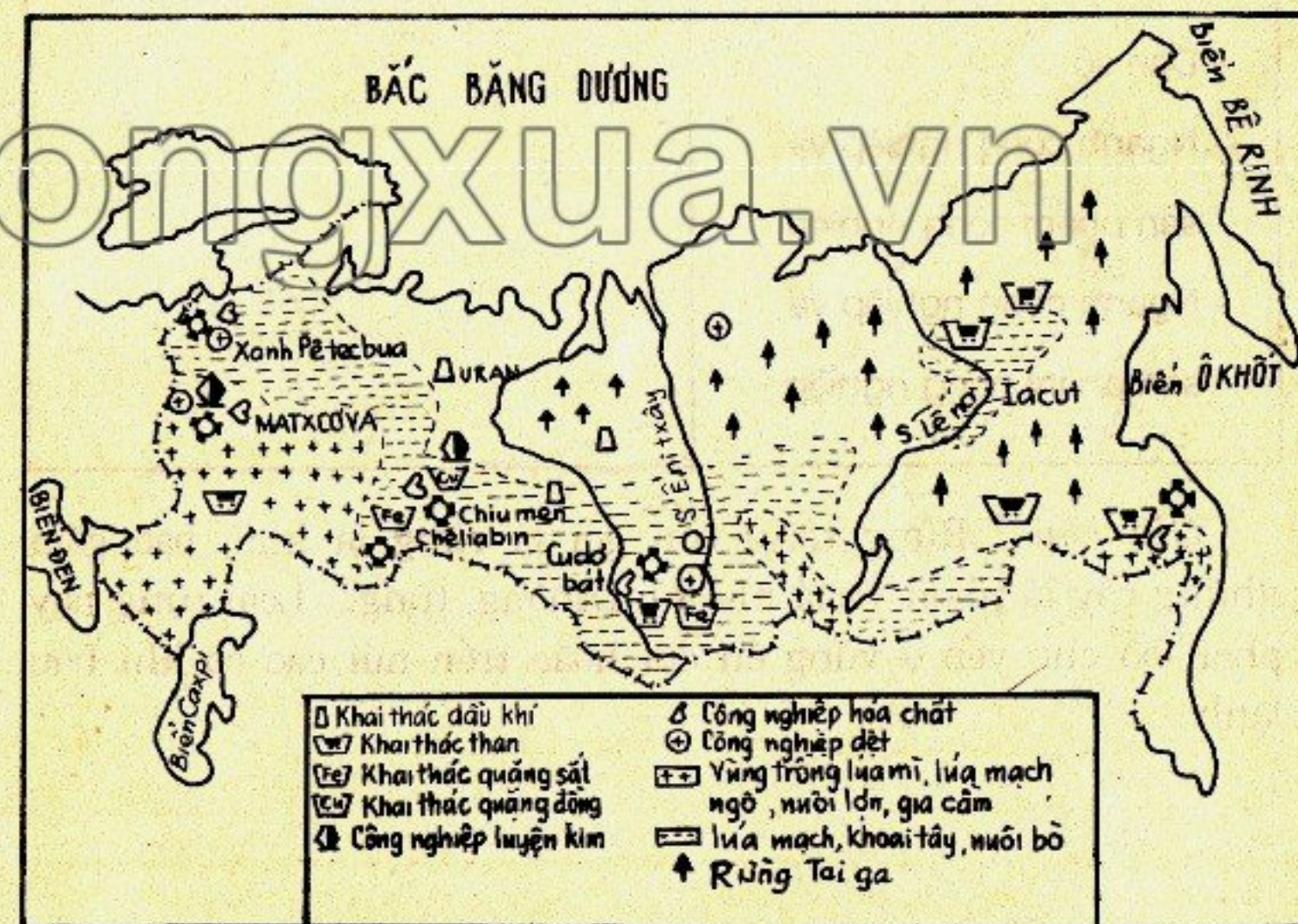
- Dựa vào lược đồ, hãy tìm vị trí và thủ đô của 3 nước Anh, Pháp, Đức. Vị trí nước Anh có đặc điểm gì đáng chú ý?

Tên nước	Diện tích (km ²)	Số dân (triệu người)	Một số sản phẩm chính của công nghiệp
Anh	244000	58	- Thiết bị máy móc, phương tiện giao thông, len dạ.
Đức	365000	79	- Thiết bị máy móc, phương tiện giao thông, dụng cụ quang học.
Pháp	551000	57	- Thiết bị máy móc, phương tiện giao thông, mĩ phẩm.

Dựa vào bảng trên:

- Hãy so sánh diện tích và dân số của Anh, Pháp, Đức với nước ta.
- Nêu những sản phẩm công nghiệp chính của các nước Anh, Đức, Pháp.

2. Liên bang Nga



Hình 41. Lược đồ công nghiệp và nông nghiệp Liên bang Nga.

- Vị trí lãnh thổ: nằm trên 2 châu lục: châu Á và châu Âu
- Diện tích : 17 triệu km², lớn nhất thế giới
- Dân số : 150 triệu người, đứng thứ 6 trên thế giới
- Thủ đô : Matxcơva
- Dựa vào các nội dung ghi trên và vào lược đồ em hãy điền vào bảng thống kê sau:

LIÊN BANG NGÀ

Các yếu tố	Đặc điểm
- Vị trí địa lí - Diện tích - Dân số - Ngành công nghiệp và sản phẩm công nghiệp - Ngành nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp	

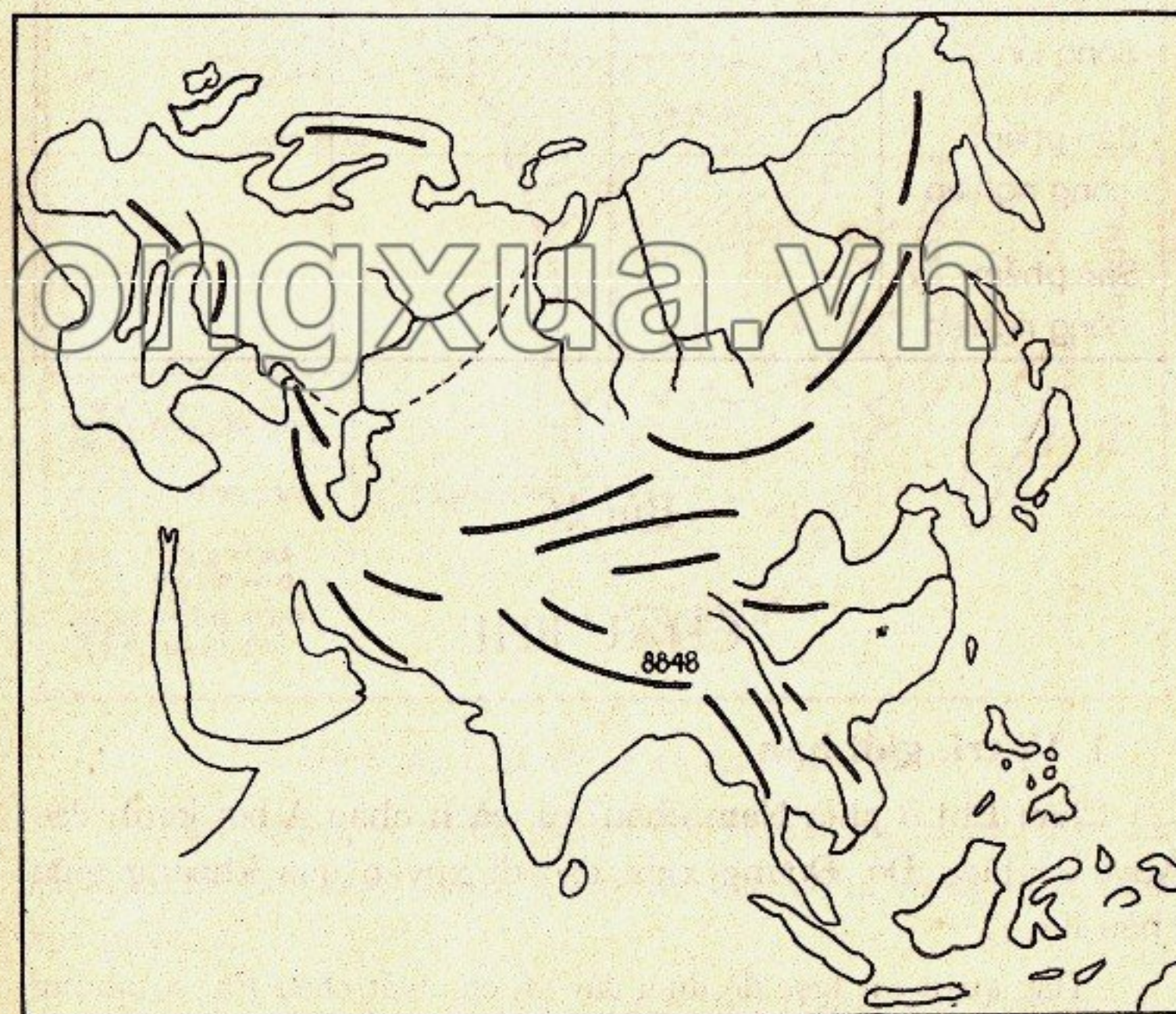
Ghi chú : Rừng taiga còn gọi là rừng lá kim, bao gồm những cây lá nhọn và lá nhỏ như thông, tùng... Loại rừng này phân bố chủ yếu ở vùng ôn đới hoặc trên núi cao có khí hậu lạnh.

Bài 24, 25

ÔN TẬP, KIỂM TRA

1. Hãy điền vào lược đồ dưới đây:

- Châu Á, châu Âu
- Các vùng núi và cao nguyên chính của châu Á và châu Âu
- Các vùng đồng bằng lớn của hai châu lục này.



Hình 42. Lược đồ khung châu Á, châu Âu.

2. Hãy so sánh hai châu và điền vào bảng sau

Các yếu tố (đặc điểm)	Châu Á	Châu Âu	So sánh
- Diện tích			
- Dân cư			
- Địa hình			
- Khí hậu			
- Sông lớn			
- Sản phẩm công nghiệp			
- Sản phẩm nông nghiệp			

Bài 26

CHÂU PHI

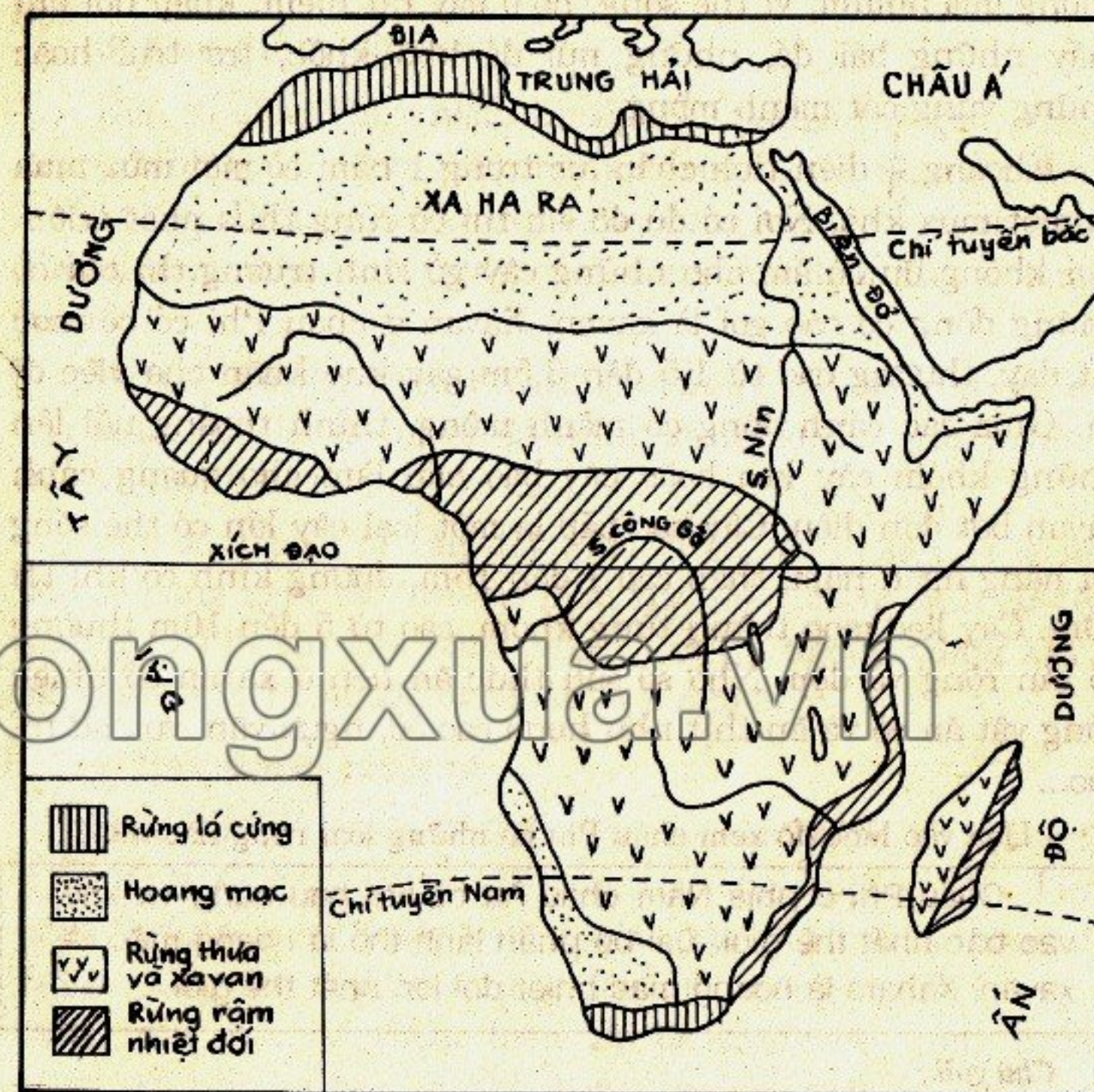
1. Vị trí, giới hạn

Châu Phi ở phía Nam châu Âu, cách châu Á bởi kênh đào Xuyê và biển Đỏ. Đường xích đạo đi xuyên qua khoảng giữa châu lục.

- Hãy quan sát lược đồ dưới đây và cho biết châu Phi có những biển và đại dương nào bao quanh.

2. Đặc điểm tự nhiên

Địa hình châu Phi tương đối cao. Toàn bộ châu lục có thể xem như là một cao nguyên khổng lồ xen các bồn địa.



Hình 43. Lược đồ tự nhiên châu Phi.

Vì nằm trong vòng đai nhiệt đới và không có các biển lấn sâu vào đất liền nên châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới.

Những vùng khô và nóng nhất trở thành các hoang mạc

lớn. Xahara là hoang mạc nhiệt đới lớn nhất thế giới, khoảng 9 triệu km². Tại đây, vào mùa hè, ban ngày có thể nóng tới gần 60°C, ban đêm có thể lạnh tới 0°C. Lượng mưa hàng năm không quá 50mm, vì thế sông, hồ ở đây rất hiếm; khắp nơi chỉ thấy những bãi đá, những núi đá khô khốc, trơ trụi hoặc những vùng cát mênh mông.

Khoảng $\frac{1}{3}$ diện tích châu lục trong 1 năm có một mùa mưa và một mùa khô. Nơi có đủ độ ẩm thì có rừng thưa phát triển. Nơi không đủ độ ẩm cho những cây gỗ sinh trưởng thì chỉ có những đồng cỏ cao gọi là xavan. Xavan ở châu Phi có cỏ mọc rất dày, thường cao từ 1,5 đến 3,5m gây khó khăn cho việc đi lại. Giữa các cánh đồng cỏ mênh mông, thỉnh thoảng nổi lên những khóm cây keo hoặc cây bao báp làm cho quang cảnh xavan bớt đơn điệu. Cây bao báp là một loại cây lớn có thể sống tới hàng ngàn năm, thân cao 1 đến 15m, đường kính có khi tới 10m. Cây keo mọc thành từng khóm, cao từ 5 đến 10m thường có tán rộng và đẹp. Nhờ số sản thức ăn nên ở xavan có nhiều động vật ăn cỏ và ăn thịt như hươu cao cổ, ngựa vằn, voi, sư tử, báo...

- Dựa vào lược đồ xem châu Phi có những loại rừng nào nữa?

Châu Phi ở phía Nam châu Âu có khí hậu nóng và khô vào bậc nhất thế giới. Đại bộ phận lãnh thổ là hoang mạc và xavan. Xahara là hoang mạc nhiệt đới lớn nhất thế giới.

Chú giải :

Bồn địa: Nơi địa hình thấp có hình lòng chảo.

Câu hỏi

1. Xác định vị trí châu Phi trên lược đồ.

2. Hãy chỉ vị trí hoang mạc Xahara, vùng xavan trên lược đồ. Nêu đặc điểm của những vùng này và giải thích tại sao ở châu Phi có nhiều hoang mạc và xavan?

3. Tìm và chỉ sông: Nin và sông Cônggô trên lược đồ.

Bài 27

CHÂU PHI (tiếp theo)

3. Đặc điểm dân cư

Dân số châu Phi chiếm khoảng $\frac{1}{9}$ dân số thế giới. Mật độ trung bình là 13 người trên một kilômet vuông, nhưng phân bố không đều. Dân cư tập trung ở các vùng ven biển và trong các thung lũng sông, còn trong các hoang mạc hầu như không có người ở.

Hơn $\frac{2}{3}$ dân cư châu Phi thuộc chủng tộc Nêgrôit, da đen, tóc xoăn, còn lại là người da trắng và người lai giữa người da đen và người da trắng.

Dân số châu Phi gần đây phát triển rất nhanh, tỉ lệ tăng dân số hàng năm vào loại cao nhất thế giới (trung bình cứ 1000 dân châu Phi thì mỗi năm tăng thêm 30 người, trong khi đó thì châu Á là 18 người, châu Âu là 2 người).

4. Đặc điểm kinh tế

Hầu hết các nước ở châu Phi có nền kinh tế kém phát triển. Hơn $\frac{4}{5}$ dân số làm nghề nông và sống ở nông thôn. Trong nông nghiệp có sự khác biệt rõ rệt giữa chủ trại và nông dân nghèo. Các chủ trại có những đồn điền rộng mênh mông, sử dụng máy móc, kĩ thuật hiện đại để trồng cây công nghiệp nhiệt đới như ca cao, cà phê, bông, lạc cho xuất khẩu. Những người nông dân nghèo chỉ có nương rẫy và những mảnh ruộng nhỏ, họ sử dụng những công cụ thô sơ lạc hậu để trồng các cây lương thực (ngô, sắn, kê, đậu...).

Các nước châu Phi mới chỉ tập trung vào khai thác khoáng sản để xuất khẩu, các ngành công nghiệp khác còn ít phát triển. Châu Phi là nơi khai thác nhiều vàng, kim cương, uran,

phốt phát....

Sản xuất kém phát triển trong khi dân số tăng nhanh nên đời sống nhân dân của nhiều nước ở châu Phi còn rất khó khăn. Thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu thuốc men... còn xảy ra ở nhiều nơi. Các nước có nền kinh tế phát triển hơn cả là Cộng hòa Nam Phi, Angiêri, Ai Cập.

Dân cư châu Phi chủ yếu thuộc chủng tộc Nêgrôit (da đen). Châu Phi có tỉ lệ tăng dân số cao nhất thế giới. Đa số các nước châu Phi có nền kinh tế kém phát triển, đời sống nhân dân khó khăn. Nông nghiệp và khai thác khoáng sản là những ngành sản xuất chính.

Câu hỏi

1. Dân cư châu Phi có đặc điểm gì? Dân số châu Phi tăng nhanh gây ra những hậu quả gì?
2. Hãy nêu đặc điểm kinh tế của các nước châu Phi.

Bài 28

CHÂU MĨ

1. Vị trí, giới hạn

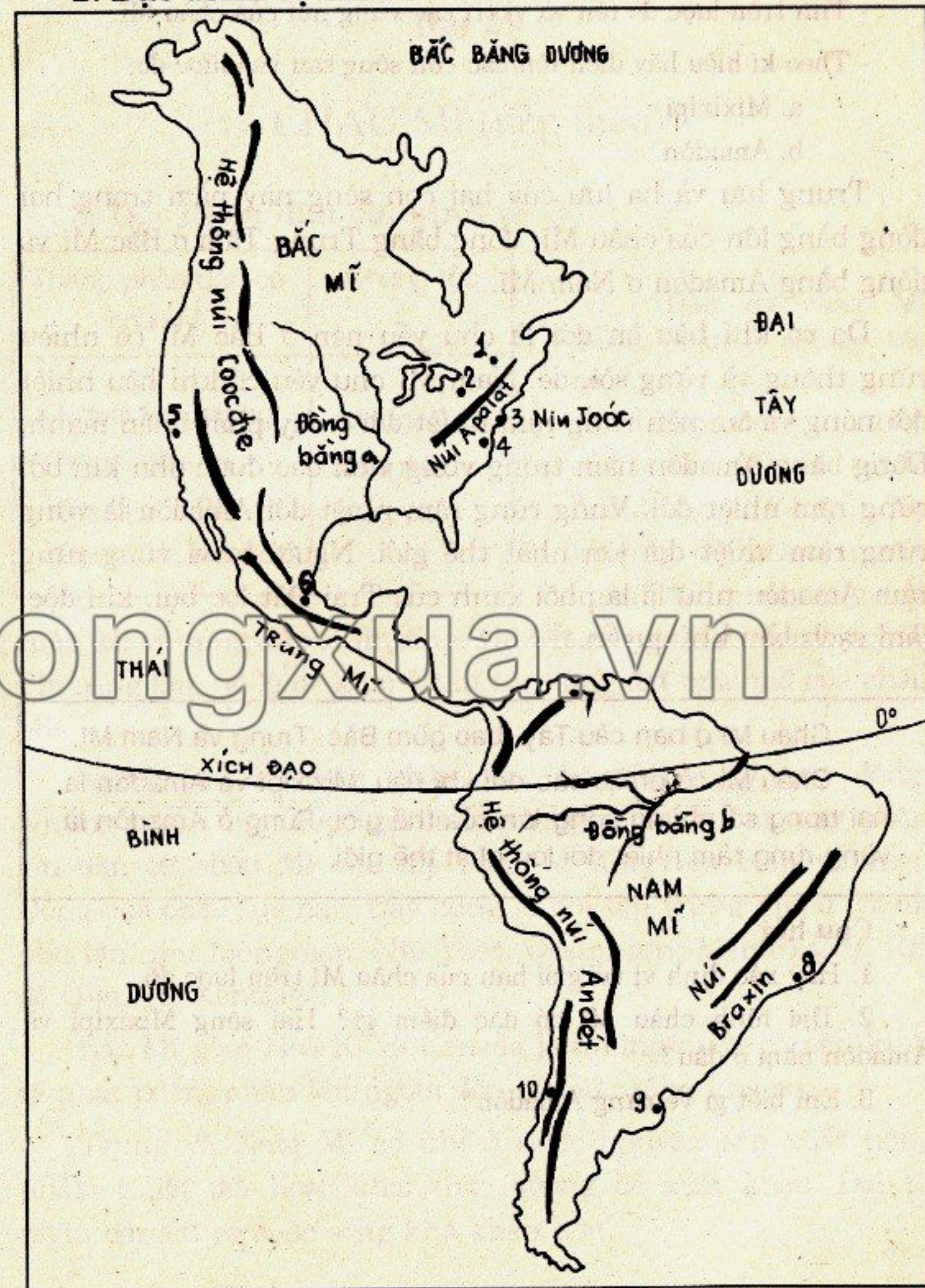
Châu Mỹ gồm Bắc Mỹ, Nam Mỹ và dải đất hẹp Trung Mỹ nối hai phần trên với nhau.

Ngoài việc phân chia Trái Đất thành hai bán cầu: Bắc, Nam, người ta còn chia Trái Đất thành hai bán cầu: Đông, Tây. Đường chia là đường tròn nối 2 cực Bắc Nam và đi qua Luân Đôn, (thủ đô của nước Anh). Châu Mỹ nằm ở bán cầu Tây.

- Dùng lược đồ thế giới, cho biết châu Mỹ nằm ở bán cầu nào? Giáp với những đại dương và những châu lục nào?

- Đường xích đạo đi qua khu vực nào của châu Mỹ?

2. Đặc điểm tự nhiên



Hình 44. Lược đồ tự nhiên châu Mỹ.

- Tìm trên lược đồ tên và vị trí các vùng núi của châu Mĩ.
- Theo kí hiệu hãy điền tên các con sông sau vào lược đồ:
 - Mixixipi
 - Amadôn.

Trung lưu và hạ lưu của hai con sông này nằm trong hai đồng bằng lớn của châu Mĩ: đồng bằng Trung Tâm ở Bắc Mĩ và đồng bằng Amadôn ở Nam Mĩ.

Do có khí hậu ôn đới là chủ yếu nên ở Bắc Mĩ có nhiều rừng thông và rừng sồi, dẻ. Nam Mĩ chủ yếu có khí hậu nhiệt đới nóng và ẩm nên rừng rậm nhiệt đới ở đây phát triển mạnh. Đồng bằng Amadôn nằm trong vùng xích đạo được phủ kín bởi rừng rậm nhiệt đới. Vùng rừng rậm nhiệt đới Amadôn là vùng rừng rậm nhiệt đới lớn nhất thế giới. Người ta ví vùng rừng rậm Amadôn như là lá phổi xanh của Trái Đất lọc bụi, khí độc, làm sạch bầu khí quyển.

Châu Mĩ ở bán cầu Tây, bao gồm Bắc, Trung và Nam Mĩ.

Châu Mĩ có nhiều các đới khí hậu. Mixixipi và Amadôn là hai trong số những sông lớn của thế giới. Rừng ở Amadôn là vùng rừng rậm nhiệt đới lớn nhất thế giới.

Câu hỏi

1. Hãy xác định vị trí giới hạn của châu Mĩ trên lược đồ.
2. Địa hình châu Mĩ có đặc điểm gì? Hai sông Mixixipi và Amadôn nằm ở đâu?
3. Em biết gì về rừng Amadôn?

Bài 29

CHÂU MĨ (tiếp theo)

3. Đặc điểm dân cư, kinh tế

Thành phần dân cư châu Mĩ	Chủng tộc
- Người Anh diêng	Mônggôlôit
- Người gốc Âu	Ơrôpêôit
- Người gốc Phi	Nêgrôit
- Người các nơi đến	-

- Dân cư châu Mĩ thuộc những chủng tộc nào?

Từ xa xưa chủ nhân của châu Mĩ là người Anhdiêng. Cách đây khoảng 500 năm, người châu Âu phát hiện ra

châu Mĩ và sang đây sinh sống. Họ bắt cả người da đen từ châu Phi sang làm nô lệ để khai khẩn các vùng đất màu mỡ của châu Mĩ.

Người từ các châu khác đến châu Mĩ ngày một đông. Những người này được gọi là dân nhập cư. Cho tới nay phần lớn dân cư châu Mĩ vẫn tập trung ở vùng ven biển và miền Đông của châu lục này. Đây cũng là nơi tập trung nhiều thành phố lớn như Môngrêan, Niu Yooc, Oasinhtơn, Mêhicô Citi, Riô đê Gianêrô, Xantiagô...

Bắc Mĩ gồm Hoa Kì và Canada là những nước có nền kinh tế phát triển, phần lớn người dân có mức sống khá cao.

Trung và Nam Mĩ có nhiều nước chuyên sản xuất nông phẩm nhiệt đới hoặc khai thác quặng để xuất khẩu. Đại bộ phận dân cư có cuộc sống khó khăn hơn.

HOA KÌ

Hoa Kỳ có nền kinh tế phát triển với nhiều ngành công nghiệp sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao. Sản lượng một số ngành công nghiệp của Hoa Kỳ chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới như ngành sản xuất điện, sản xuất máy móc thiết bị. Các trung tâm kinh tế của Hoa Kỳ tập trung dày đặc ở miền Đông Bắc và vùng ven biển Đại Tây Dương.

Mặc dù số người làm nghề nông rất ít (cứ 100 người lao động chỉ có 3 người làm nông nghiệp) song do sử dụng máy móc hiện đại nên nông nghiệp Hoa Kỳ vẫn rất phát triển. Hoa Kỳ là nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới. Hoa Kỳ còn sản xuất nhiều bông, ngô, rau quả, thịt, sữa.

Phần lớn dân cư châu Mỹ là người nhập cư. Hoa Kỳ là một trong những nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới hiện nay. Mức sống của người dân Hoa Kỳ khá cao.

Các nước Trung và Nam Mỹ có nền kinh tế kém phát triển hơn, người dân có cuộc sống khó khăn hơn.

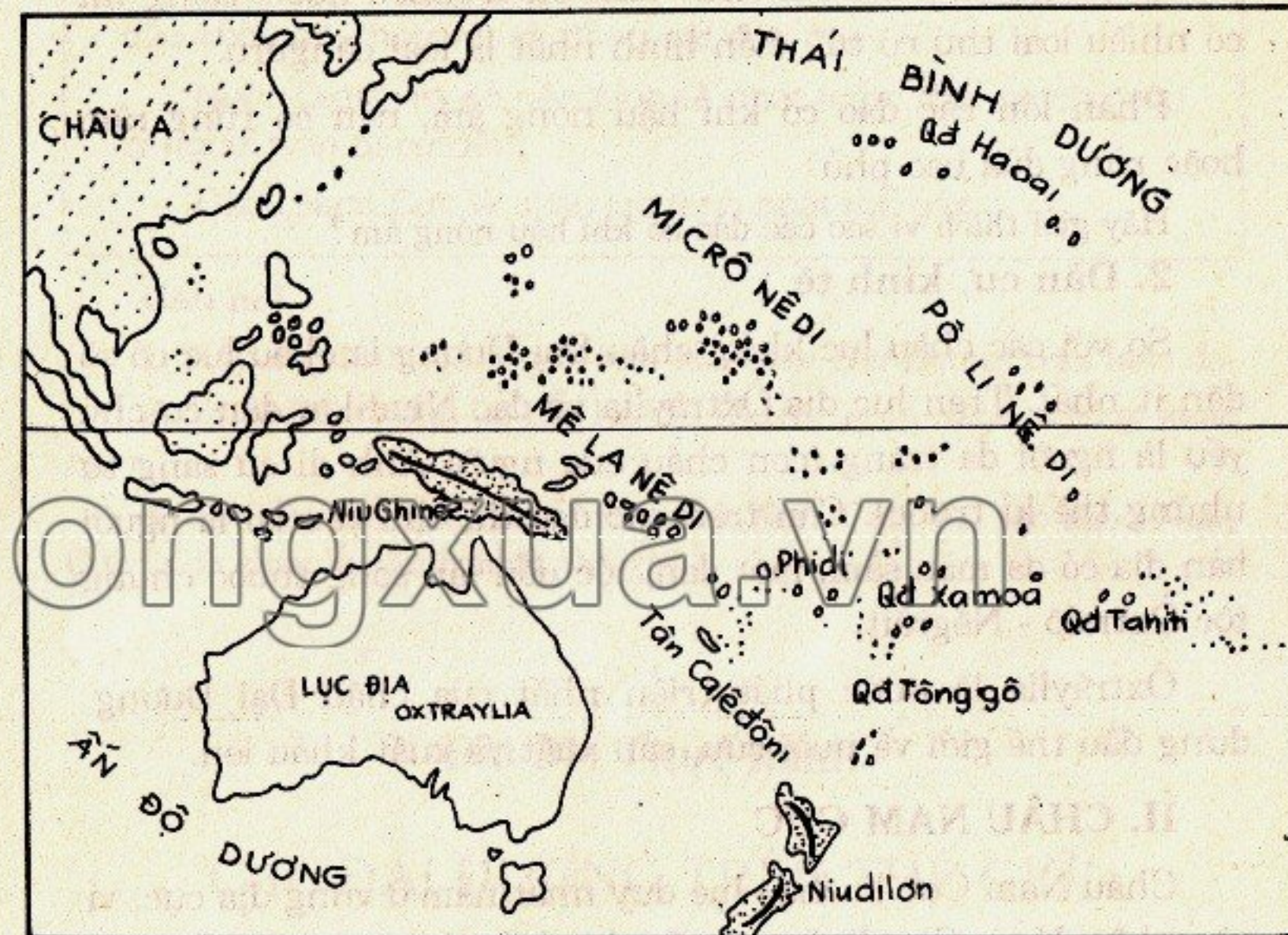
Câu hỏi

1. Dân cư châu Mỹ có đặc điểm gì nổi bật?
2. Em có nhận xét gì về sự phân bố của các thành phố lớn của châu Mỹ?
3. Em hãy nêu đặc điểm của nền công nghiệp Hoa Kỳ.

Bài 30

CHÂU ĐẠI DƯƠNG VÀ CHÂU NAM CỰC

I. CHÂU ĐẠI DƯƠNG



Hình 45. Lược đồ châu Đại Dương.

1. Vị trí và đặc điểm tự nhiên

Châu Đại Dương gồm lục địa Ôxtrâyliá và các đảo ở vùng Trung và Tây Nam Thái Bình Dương.

- Dựa vào lược đồ hãy xem lục địa Ôxtrâyliá ở bán cầu Bắc hay bán cầu Nam?

- Đọc tên và chỉ vị trí một số đảo thuộc châu Đại Dương.

Lục địa Ôxtrâylia có khí hậu khô hạn. Phần lớn diện tích của lục địa này là hoang mạc và xavan. Thực vật và động vật ở Ôxtrâylia có nhiều loài độc đáo. Cây bạch đàn mọc ở khắp nơi, có loại bạch đàn khổng lồ cao đến 150m, đường kính thân cây có thể tới 10m. Trong các xavan có loại cây hình chai (thân phình ra có dạng một cái chai) ruột chứa nhiều nước. Động vật có nhiều loài thú có túi, điển hình nhất là loài cangu. ruru.

Phần lớn các đảo có khí hậu nóng ẩm, nên có rừng rậm hoặc rừng dừa bao phủ.

Hãy giải thích vì sao các đảo có khí hậu nóng ẩm?

2. Dân cư, kinh tế

So với các châu lục khác, châu Đại Dương là châu lục có số dân ít nhất. Trên lục địa Ôxtrâylia và đảo Niudilon dân cư chủ yếu là người da trắng (con cháu của người Anh di cư sang từ những thế kỷ trước). Còn trên các đảo thì chủ yếu lại là người bản địa có da màu sẫm, mắt đen, tóc uốn lượn sóng thuộc chủng tộc Ôxtralô - Nêgrôit.

Ôxtrâylia là nước phát triển nhất của châu Đại Dương, đứng đầu thế giới về nuôi cừu, sản xuất và xuất khẩu len.

II. CHÂU NAM CỰC

Châu Nam Cực là châu lục duy nhất nằm ở vùng địa cực, vì vậy châu Nam Cực là lục địa lạnh nhất thế giới, quanh năm nhiệt độ dưới 0°C có khi xuống tới 88°C. Toàn bộ châu lục bị phủ một lớp băng dày trung bình gần 2000m. Động vật tiêu biểu nhất cho lục địa Nam Cực là chim cánh cụt. Chim cánh cụt là loài chim không biết bay, nhưng bơi lặn dưới nước rất giỏi, thường sống tập trung thành từng đàn đông đúc ở ven bờ biển.

Vì không có điều kiện thuận lợi cho sự sống nên trước đây

châu Nam Cực hoàn toàn không có người ở. Hiện nay đã có hàng trăm nhà khoa học của nhiều nước tới đây nghiên cứu châu lục này.

Châu Đại Dương gồm lục địa Ôxtrâylia và các đảo ở Trung và Tây Nam Thái Bình Dương. Lục địa Ôxtrâylia có khí hậu khô hạn, thực vật và động vật độc đáo.

Nước Ôxtrâylia có nền kinh tế phát triển, dân cư chủ yếu là người Anh di cư đến.

Châu Nam Cực là châu lục lạnh nhất thế giới.

Câu hỏi

1. Hãy xác định vị trí, giới hạn của châu Đại Dương trên lược đồ.
2. Tự nhiên và dân cư của lục địa Ôxtrâylia và các đảo có gì khác nhau?
3. Nêu đặc điểm tự nhiên của châu Nam Cực. Tại sao châu Nam Cực lại là châu lục lạnh nhất thế giới?

Bài 31: Thực hành

CÁC ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI

1. Dựa vào bảng số liệu dưới đây

Hãy xếp các đại dương theo thứ tự từ lớn đến nhỏ về diện tích, về độ sâu trung bình.

- Cho biết đại dương nào có nhiệt độ trung bình của nước thấp nhất, giải thích tại sao?
- Cho biết đại dương nào có độ sâu lớn nhất.

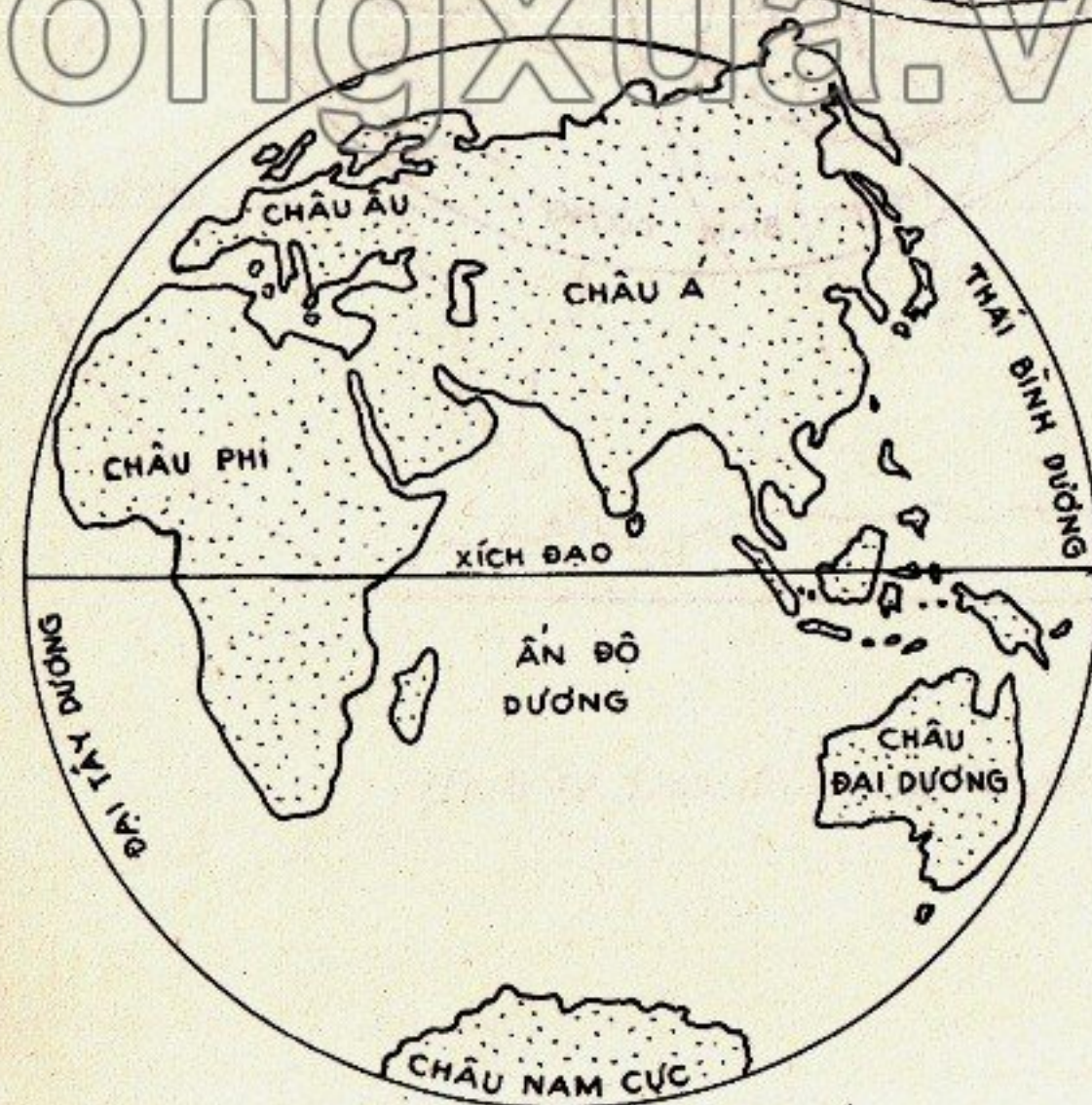
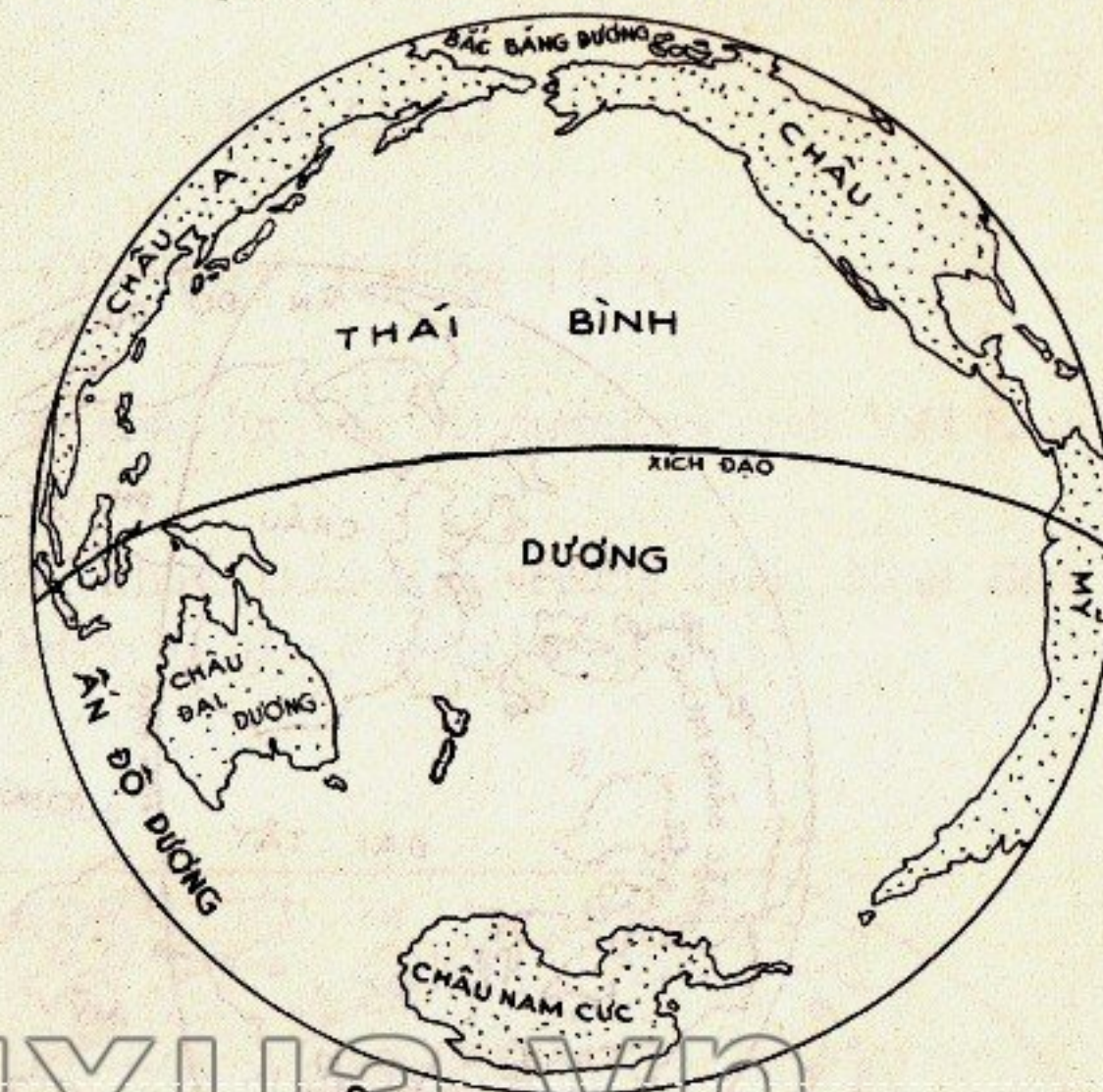
Số TT	Dại dương	Diện tích triệu km ²	Độ sâu trung bình (m)	Độ sâu lớn nhất	Nhiệt độ trung bình cả nước (°C)
1	Ấn Độ Dương	76	3963	7455	17
2	Bắc Băng Dương	14	1134	5449	3
3	Dại Tây Dương	90	3530	9227	17
4	Thái Bình Dương	181	4279	11034	19

2. Dựa vào các lược đồ dưới đây, hãy ghi vào bảng sau :

Số TT	Dại dương	Vị trí (giáp châu lục, đại dương)

Hãy chỉ vị trí các đại-dương trên quả cầu hoặc lược đồ thế giới.

Hình 46.
Lược đồ Thái Bình Dương.



Hình 47.
Lược đồ Ấn Độ Dương.

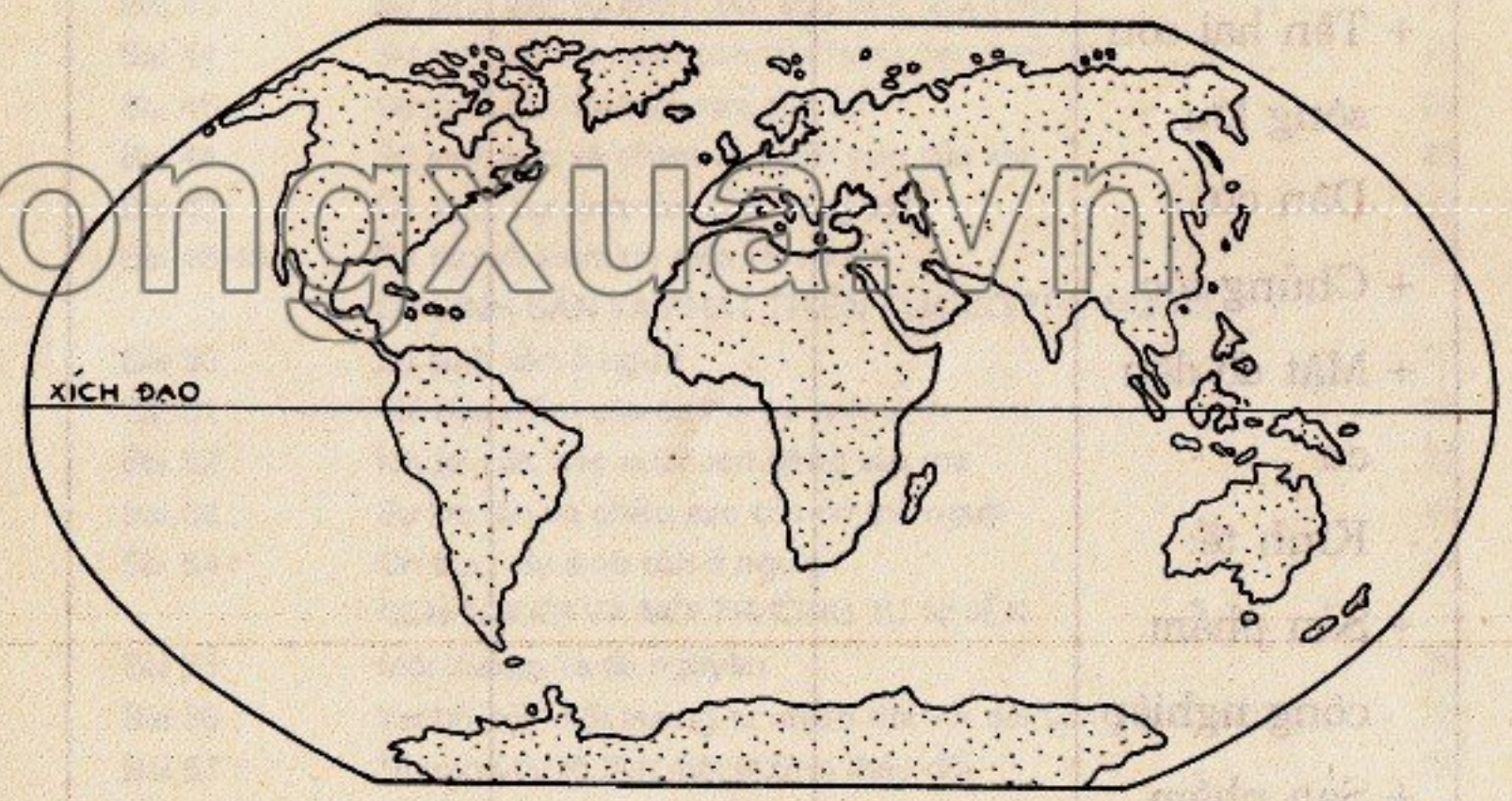
Alan'

Bài 32, 33

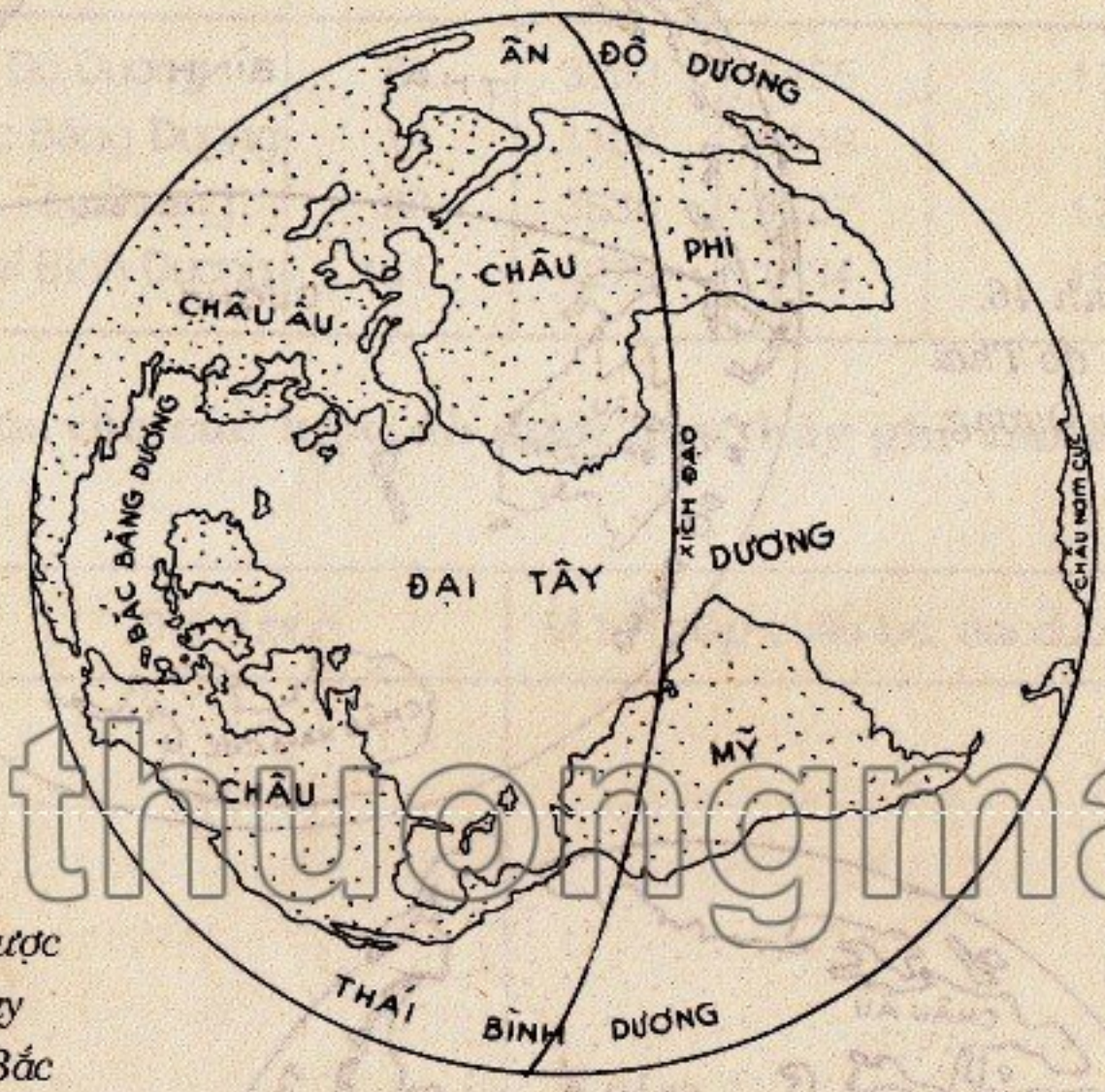
ÔN TẬP, KIỂM TRA

1. Điền tên các châu lục, các đại dương và nước Việt Nam vào lược đồ dưới đây.

Các nước Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Ôxtrâyliia nằm ở châu lục nào?



Hình 49. Lược đồ khung thế giới.



Hình 48. Lược đồ Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

2. Hãy ghi những đặc điểm nổi bật của các châu Phi, Mĩ, Đại Dương vào bảng sau:

Yếu tố	Châu Phi	Châu Mĩ	Châu Đại Dương
- Vị trí (thuộc bán cầu nào)			
- Tự nhiên:			
+ Địa hình			
+ Khí hậu			
+ Tên hai con sông lớn			
- Dân cư:			
+ Chứng tộc			
+ Mật độ dân cư			
- Kinh tế:			
+ Sản phẩm công nghiệp			
+ Sản phẩm nông nghiệp			

MỤC LỤC

KHOA HỌC

Bài 33-34 :	Ôn tập và kiểm tra Học kỳ I	3
	SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
Bài 35 :	Sự sinh sản ở thực vật có hoa	3
Bài 36 :	Sự sinh sản ở thực vật có hoa (Tiếp theo)	5
Bài 37 :	Thực hành : Trồng cây bằng hạt (Cây đậu)	7
Bài 38 :	Thực hành : Trồng cây bằng thân, cành	9
Bài 39 :	Ôn tập : Sự sinh sản ở thực vật	12
Bài 40 :	Sự sinh sản ở động vật	13
Bài 41 :	Sự sinh sản của ruồi	14
Bài 42 :	Sự sinh sản của ếch	16
Bài 43 :	Sự sinh sản và chăm sóc con non của chim	17
Bài 44 :	Sự sinh sản và nuôi con của hươu, nai, hoẵng	19
Bài 45 :	Sự sinh sản và nuôi con của hổ	20
Bài 46 :	Sự sinh sản và chăm sóc con non của khỉ	21
Bài 47 :	Ôn tập : Sự sinh sản của động vật	22
Bài 48-49 :	Ôn tập và kiểm tra giữa Học kỳ II	23
	SỰ SINH SẢN VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CƠ THỂ NGƯỜI	
Bài 50 :	Sự sinh sản ở người	23
Bài 51 :	Vài đặc điểm của cơ thể trẻ mới sinh	25
Bài 52 :	Ích lợi của việc nuôi con bằng sữa mẹ	26
Bài 53 :	Sự lớn lên về chiều cao của cơ thể người	27
Bài 54 :	Ôn tập : Sự sinh sản ở người	28
	CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	
Bài 55 :	Môi trường và tài nguyên	29
Bài 56 :	Vai trò của môi trường tự nhiên đối với đời sống con người	30
Bài 57 :	Những yếu tố làm môi trường thay đổi	32
Bài 58 :	Dân số và tài nguyên đất	34
Bài 59 :	Dân số và tài nguyên rừng	36
Bài 60 :	Dân số và sự ô nhiễm môi trường đất	39
Bài 61 :	Sự ô nhiễm môi trường không khí và nước	41
Bài 62 :	Một số biện pháp nhằm bảo vệ môi trường	43
Bài 63 :	Thực hành : Làm vệ sinh lớp học hoặc sân trường	45
Bài 64 :	Ôn tập : Con người và môi trường tự nhiên	46
Bài 65-66 :	Ôn tập và kiểm tra cuối năm	46

ĐỊA LÝ

Bài 18 :	Châu Á	47
Bài 19 :	Châu Á (tiếp theo)	50
Bài 20 :	Đông Nam Á	52
Bài 21 :	Một số nước châu Á	56
Bài 22 :	Châu Âu	60
Bài 23 :	Thực hành: Một số nước ở châu Âu	62
Bài 24,25 :	Ôn tập, kiểm tra	65
Bài 26 :	Châu Phi	66
Bài 27 :	Châu Phi (tiếp theo)	69
Bài 28 :	Châu Mỹ	70
Bài 29 :	Châu Mỹ (tiếp theo)	73
Bài 30 :	Châu Đại Dương và Châu Nam Cực	75
Bài 31 :	Thực hành: Các đại dương trên thế giới	77
Bài 32-33 :	Ôn tập, kiểm tra	81

thuongmaitruongxua.vn

AN TOÀN GIAO THÔNG



Biển chỉ
Hướng đi phải theo



Đường dành
cho xe thô sơ



Đường dành
cho người đi bộ



Cấm đi ngược chiều



Cấm đi xe đạp



Cấm người đi bộ

Trần